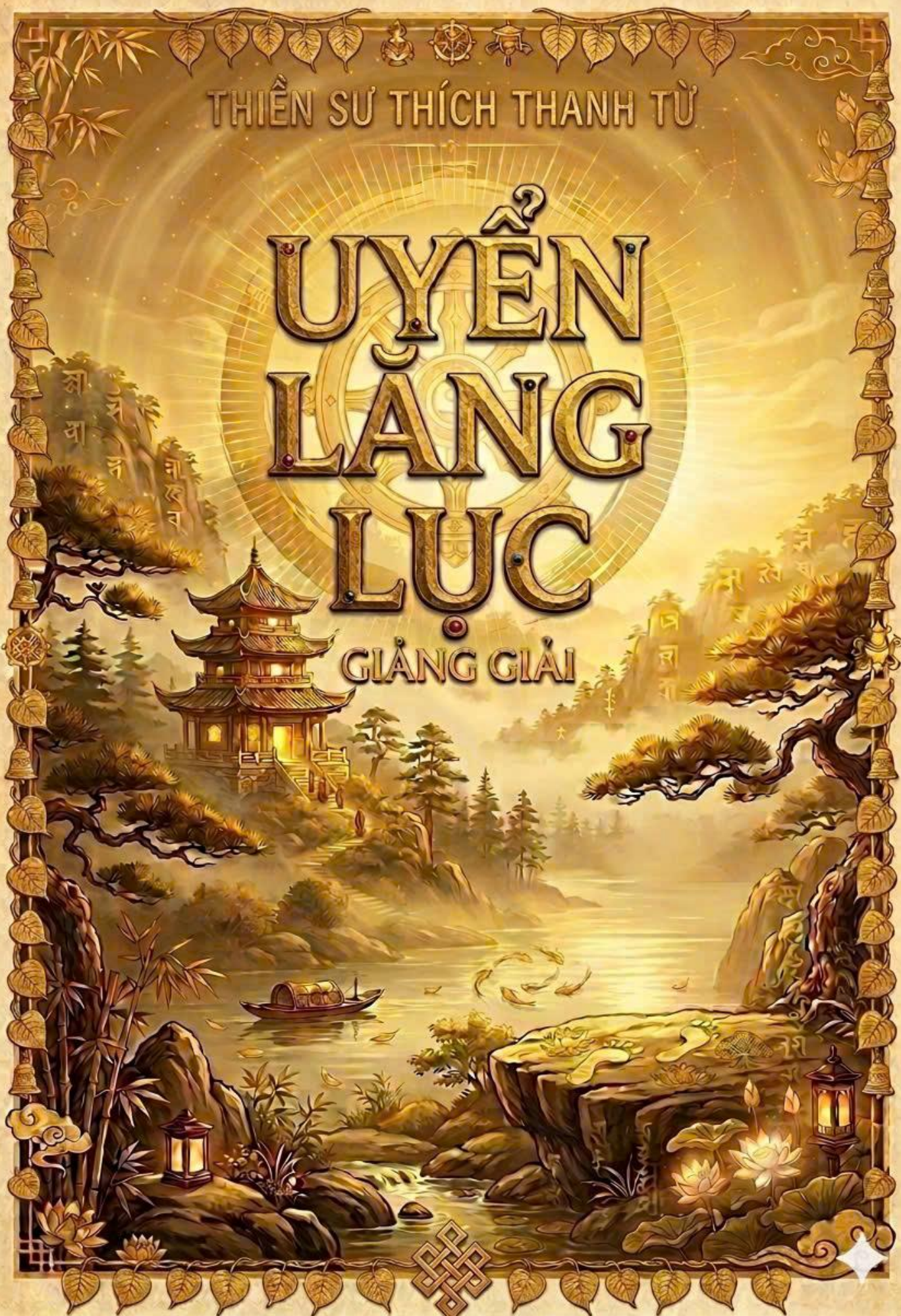


THIỀN SƯ THÍCH THANH TỪ

UYÊN LĂNG LỤC

GIẢNG GIẢI



LỜI ĐẦU SÁCH

Uyển Lăng Lục là tập sách do tướng quốc Bùi Hưu ghi lại những lời dạy của thiền sư Hoàng Bá lúc ông thỉnh ngài đến Uyển Lăng, nơi ông đang trấn nhậm để được sớm hôm thưa hỏi Phật pháp. Là một tục gia cư sĩ, song có thể nói chỗ lãnh hội của ông tận thiên tủy không kém các bậc đại đệ tử xuất cách của tổ Hoàng Bá. Cư sĩ thân tuy trong chốn quan trường nhưng tâm thường ở nơi đất thật. Được thế là nhờ công đức khai hóa của một bậc thầy lỗi lạc - thiền sư Hoàng Bá. Do vậy ông đã hết lòng quy ngưỡng, trọn đời nép phục vâng làm theo chỉ thú của tôn sư.

Mới hay,

Chí đạo không khó, chỉ ngại người nhiều phân biệt lựa chọn. Nên biết học đạo quý ở vô tâm. Nếu được vô tâm thì lo gì diệu nghĩa Như Lai không sáng tỏ, mật ý Tổ sư chẳng rõ hiện bày. Đã thế thì vô minh bỗng chốc hoa thành băng tiêu ngói bể, mây mờ si ám muôn kiếp chột tiêu tan. Tự nơi chính mình sáng lên một niềm tin không gì có thể lay chuyển nổi.

Trong rừng ngọc nhà thiền, Uyển Lăng Lục là một hạt trai long lanh, sáng đẹp vô cùng. Vì vậy Hòa thượng tôn sư Viện trưởng thiền viện Trúc Lâm đã đem trình chiếu cho mọi người cùng chiêm ngưỡng. Ngài thi thiết giảng dạy từng chữ từng câu giúp cho tăng ni Phật tử hữu duyên tu thiền, nắm được chìa khóa mở cửa vào nhà.

Nhận thấy giá trị và tầm vóc quan trọng của quyển luận này, chúng tôi biên tập lời giảng của Hòa thượng tôn sư lại thành sách, ngõ hầu giúp cho các pháp lữ đồng tu thấy rõ lối

đi, mạnh dạn tiến bước trên đường trở về. Chút pháp sự này nếu đem đến cho độc giả một niềm tin và nguồn vui nơi tự tâm, thì cũng là công đức của muôn đời tổ sư và các bậc thiện hữu tri thức, đã hết lòng tận tụy với chúng ta. Đó cũng chính là những gì chung tôi mong đợi nhất.

Vì biên tập từ văn nói nên tác phẩm không sao tránh khỏi những sơ suất nhất định, dám mong các bậc thức giả lượng thứ cho.

Thường Chiếu, ngày 02-11-2007

THÍCH NHẬT QUANG

UYỄN LĂNG LỤC GIẢNG GIẢI

Uyển Lăng là tên một huyện của Trung Quốc đời Đường. Khi đó tướng quốc Bùi Hưu đang trấn nhậm tại huyện này. Bùi Hưu mời ngài Hoàng Bá về đây dạy cho ông lý thiền. Vì vậy lối dạy ở đây sáng sủa rõ ràng, chứ không như lối dạy ngài Lâm Tế. Quyển sách này do ông Bùi Hưu ghi lại lời dạy của ngài Hoàng Bá tại Uyển Lăng, nên có tên là Uyển Lăng Lục.

Chúng ta phải hiểu người xưa, khi đối diện với người có các trình độ khác nhau, các ngài tùy duyên mà dạy chứ không cố định. Đối với tướng quốc Bùi Hưu ngài nói trắng ra, nhưng với ngài Lâm Tế ngài chỉ đánh mà không noi một câu. Nếu chúng ta cả quyết cho rằng thiền sư Hoàng Bá chỉ đánh, chứ không nói thẳng trắng ra thì không đúng. Hoặc bảo ngài chỉ nói trắng mà không đánh cũng không đúng. Tùy theo người đối duyên mà các Tổ sử dụng phương tiện để đạt được kết quả tốt nhất.

Hiểu chỗ này chúng ta mới thấy hiện giờ thiền tông cần phải nói thẳng ra là một điều hợp lý. Với tướng quốc Bùi Hưu, ông không rảnh nghiên cứu chỗ này chỗ kia, còn ngài Lâm Tế là một thiền tăng đang du phương cầu học, làm sao cho ngài nghi, nghi chừng nào tốt chừng ấy; hai người hai hoàn cảnh khác nhau.

Chúng ta bây giờ cũng vậy, thời này người ta bận rộn đa đoan, đâu thể nay xách gói đầu này hỏi, mai xách gói đầu kia hỏi. Vì vậy chúng ta phải nói thẳng để người học nhận biết, ứng dụng tu thì có lợi hơn. Tôi nói như thế để quý vị hiểu

tinh thần người xưa và tinh thần hiện nay của chúng ta tuy thấy khác mà không khác.

Chánh văn:

Bùi tướng công hỏi ngài:

- Trong núi bốn năm trăm người, bao nhiêu người được pháp của Hòa thượng?

Ngài đáp:

- Người được không thể tính hết số. Vì sao? Vì đạo do tâm ngộ, không tại lời nói, nói năng chỉ là để giáo hóa kẻ đồng mộng (trẻ thơ).

Giảng:

Nói năng là để dạy những người đồng mộng tức kẻ sơ cơ, chứ đúng ra thì ai cũng ngộ được hết, vì ai cũng có tâm chân thật. Cho nên người nhận được chỗ chân thật tính không hết, vì ai ai cũng có sẵn. Dùng nói năng diễn đạt, đó là phương tiện vì kẻ đồng mộng.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là Phật?

Đáp: Tức tâm là Phật, không tâm là đạo. Chỉ không có cái tâm khởi tâm động niệm, có không, ngắn dài, ta người, năng sở... Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm. Tâm như hư không, sở dĩ nói “chân pháp thân của Phật ví như hư không”. Không nên cầu riêng, có cầu đều khổ. Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng, tu hành lục độ vạn hạnh được Phật Bồ-đề cũng không phải cứu cánh. Vì có sao? Vì thuộc về nhân duyên tạo

tác, nhân duyên neu hết trở lại vô thường. Sở dĩ nói “Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp”. Cốt biết tâm mình không ngã không nhân, xưa nay là Phật.

Giảng:

Chỗ này chỉ thẳng nên khó. Hỏi *thế nào là Phật?* Nếu chúng ta được hỏi câu này sẽ trả lời ra sao? “Phật là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.” Giảng như vậy thì chỉ biết ông Phật bên ngoài là đức Thích-ca thôi, chứ không biết được ông Phật của mình.

Ở đây ngài chỉ thẳng *tức tâm là Phật*, chính ngay tâm mình là Phật chứ không có Phật nào ở ngoài tâm. Nhưng nói *không tâm là đạo* thì có mâu thuẫn không? Trước nói *tức tâm là Phật*, bây giờ nói *không tâm là đạo*, như vậy có tâm không? Câu này nhiều người lăm lẩn. *Tức tâm là Phật, không tâm là đạo*, hai chữ tâm đó khác nhau chỗ nào? Tâm trước và tâm sau là một hay hai? Không phải một. Tâm trước là tâm chân thật bất sanh bất diệt cho nên gọi *tức tâm là Phật*, tâm đó là Phật. Không tâm là đạo là không tâm sanh diệt, tâm sau là tâm sanh diệt. Khi nào tâm sanh diệt lặng là đạo. Những chữ này không khéo rất dễ hiểu lầm, dường như mâu thuẫn vậy. *Tức tâm là Phật*, nghĩa là ngay nơi tâm chân thật của mình là Phật, *không tâm là đạo* nghĩa là không tâm sanh diệt, ấy là đạo.

Chỉ không có cái tâm khởi tâm động niệm, có không, ngắn dài, ta người, năng sở... không các tâm đó là đạo. Như vậy tìm đạo ở đâu? Bây giờ có người xách gói lên núi Cấm, núi Tà Lơn... để tìm đạo. Như vậy có đúng không? Ở chỗ

không tâm, Lục Tổ nói xưa nay không một vật, không một vật thì có tâm gì? Thấy được chỗ đó là thấy đạo. Cho nên Ngũ Tổ mới gọi Lục Tổ vào thất giảng kinh Kim Cang cho nghe.

Không tất cả tâm niệm có không, ngắn dài, ta người, năng sở... tức là không tất cả tâm niệm đối đãi. Ai lặng hết tâm đối đãi thì người đó thấy đạo. Như vậy đạo dễ tìm hay khó tìm? Chỉ cần mình lặng tâm đối đãi, nghĩ tốt nghĩ xấu, nghĩ phải nghĩ quấy, nghĩ hơn nghĩ thua lặng xuống hết, ngay đó là đạo, không tìm kiếm đâu xa. Chúng ta ngày nay gần đạo hay xa đạo? Đạo rất gần, nhưng vì bọn phân chia phải quấy che mắt nên không thấy, do không thấy thành xa. Nếu những phân biệt hơn thua phải quấy lặng hết thì đạo ngay trước mắt, khỏi tìm kiếm đâu xa.

Người tu nào còn có tâm hơn thua phải quấy thì đạo vắng bóng, bao giờ tâm ấy lặng thì đạo hiện tiền.

Tâm hơn thua phải quấy ai sắp đặt cho mình, Thượng đế sắp phải không? Nếu Thượng đế sắp thì đành chịu thua, đành này quyền của mình khởi nghĩ, như vậy là chuyện nắm trong tay rồi. Chúng ta có quyền khởi, cũng có quyền bỏ. Việc gì thuộc quyền của mình thì đó là việc trong tầm tay, việc trong tầm tay mà nói khó là chuyện vô lý. Nhưng nói dễ cũng không đúng, vì dễ tại sao bỏ không được. Như vậy mới thấy việc tu hành cũng dễ mà cũng khó. Ai một phen buông là buông tất cả thì rất dễ. Ai nửa buông nửa nắm thì suốt đời không thấy đạo. Cho nên người tu phải can đảm, một buông thì tất cả đều buông, có thể mới thông tay vào chợ được. Còn người nào vừa buông roi tiếc nắm lại thì suốt đời không ra khỏi nhà lửa tam giới.

Tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm. Đây là xác định lại tâm mình. Tâm nào? Tâm liễu liễu thường tri, không sanh không diệt. Tâm đó là Phật. Cho nên nói tâm vốn là Phật, Phật vốn là tâm.

Tâm như hư không, sở dĩ nói “chân pháp thân của Phật ví như hư không”. Tại sao tâm như hư không? Câu này đa số người học Phật bị lầm lẫn. Nói tâm như hư không, như vậy tâm có hay không? Hư không thì trống rỗng, tâm như hư không thì tâm trống rỗng không có gì hết, sao gọi là Phật được? Đây là điều rất khó. Nếu không có kinh nghiệm trong sự tu, làm sao biết được chỗ này.

Khi chúng ta khởi niệm phân biệt về người thì có bóng người, khởi nghĩ về cảnh liền có bóng cảnh, khi không khởi nghĩ tất cả mà vẫn thấy vẫn nghe v.v... thì cái thấy nghe đó có phải tâm không? Biết tức là tâm. Cái biết thấy nghe xúc chạm ấy không có tướng mạo. Do không tướng mạo nên giống như hư không. Vì vậy nói *“chân pháp thân của Phật ví như hư không”*. Pháp thân chân thật ví như hư không mà hằng giác. Đó là điểm đặc biệt. Đã hằng giác làm sao nói không, nhưng không có hình bóng làm sao nói có. Tâm chân thật hiện tiền đó chúng ta đang có nhưng không sử dụng được, chỉ sử dụng tâm sanh diệt đuổi theo cảnh theo người. Vì vậy tâm sanh diệt che phủ pháp thân chân thật của chính mình.

Không nên cầu riêng, có cầu đều khổ. Bởi vì tâm chân thật không có tướng mạo, làm sao tìm cầu. Nếu càng cầu càng tìm thì càng xa, không có lợi ích gì hết nên đều khổ.

Giả sử trải qua số kiếp như cát sông Hằng, tu hành lục độ vạn hạnh được Phật Bồ-đề cũng không phải cứu cánh. Kinh Đại thừa dạy chúng ta tu các pháp lục độ vạn hạnh để

chúng quả Bồ-đề, nhưng tại sao Tổ bảo nếu chúng được Bồ-đề cũng không phải cứu cánh? Đó là những vấn đề chúng ta cần phải hiểu rõ. Người còn tu là còn dùng phương tiện sanh diệt, chuộng tốt bỏ xấu đều là trong tướng sanh diệt tạo tác. Tuy tướng tốt đẹp nhưng sanh diệt tạo tác thì không phải chân thật, không phải chân thật tức là không cứu cánh. Mục đích chư tổ dạy chúng ta tu đi đến chỗ chân thật, đó mới là cứu cánh, nên ở đây gọi là Tối thượng thừa.

Đại thừa là đạo Bồ-tát, tu lục độ vạn hạnh. Thượng thừa là Phật đạo, như kinh Pháp Hoa nói Một Phật thừa, đó là Thượng thừa. Còn Tối thượng thừa là đạo gì? Là đạo tâm, tâm tức là đạo, chỉ thẳng cái chân thật sẵn có nơi mỗi người. Tất cả những thành tựu đạt được do dụng công tu hành đều nằm trong phương tiện, chưa phải là cứu cánh. Chỗ cứu cánh chân thật bất sanh bất diệt, không do dụng công mà được cho nên gọi là Tối thượng thừa.

Vì có sao? Vì thuộc về nhân duyên tạo tác, nhân duyên nếu hết trở lại vô thường. Tất cả công đức do chúng ta tạo ra đều nằm trong sanh diệt nên có ngày cũng hết, vì vậy nói vô thường. *Sở dĩ nói “Báo, Hóa không phải chân Phật, cũng không phải nói pháp”.* Báo là báo thân Phật, Hóa là hóa thân Phật nói pháp. Hai thân này không phải Phật thật. Như chúng ta thấy đức Phật Thích-ca sanh ra ở Ấn Độ, tu hành bao nhiêu năm khổ hạnh, đi giáo hóa bao nhiêu năm, đó là báo thân Phật. Báo thân Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tu hành đắc đạo giáo hóa chúng sanh, có vô lượng công đức. Nhưng bây giờ thân đó còn không? Không còn. Nếu Phật là thân đó thì Phật ắt là sanh diệt.

Chỉ có Phật từ nơi tâm mới là chân thật. Vì vậy *cốt biết tâm mình là không ngã, không nhân, xưa nay là Phật*, đó mới là Phật thật, không có sanh diệt. Phật này có cần chúng ta tu cho ngài không? Tất cả công phu tu của mình tô điểm cho Phật đẹp thêm hay sao? Phật nào thuộc tô điểm, Phật đó đều không thật. Phật thật không có tô điểm. Muốn nhận ra Phật thật chỉ đòi hỏi chúng ta một việc, đó là buông hết tất cả niệm sanh diệt đối đãi. Phật thật đã sẵn có từ thuở nào, mà chúng ta không thấy là vì kẹt trong sanh diệt. Bây giờ buông hết tất cả niệm sanh diệt thì Phật thật hiện ra, đó mới là chân Phật hay pháp thân Phật. Còn Phật do tu, có tướng tốt, đó là Phật sanh diệt. Chúng ta phải hiểu cho thấu đáo lý này, mới có thể tiến tu không nghi ngờ.

Phật dạy tu lục độ vạn hạnh, nghĩa là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiên định, trí tuệ, tất cả đều nằm trong tướng sanh diệt. Nếu tu được hết những pháp này thì chúng ta sạch mọi lỗi lầm, không còn gây đau khổ cho người khác, đem lại sự an vui cho chúng sanh. Nhưng đó chỉ là tướng sanh diệt, chưa phải cứu cánh. Cứu cánh phải trở về với Phật thật của chính mình. Phật đó không cần chúng ta tu, chỉ cần chúng ta nhận ra bằng cách buông bỏ hết những tướng sanh diệt đang che lấp Phật thật của mình. Như vậy là tu.

Chánh văn:

Hỏi: Thánh nhân không tâm tức là Phật, phạm phu không tâm đâu không chìm nơi không lặng?

Đáp: Pháp không có phạm thánh, cũng không có chìm lặng. Pháp vốn chẳng có, chớ khởi thấy không; pháp vốn chẳng không, chớ khởi thấy có. Có cùng với

không đều là tình kiến (thấy biết tình chấp), ví như huyễn ế (như huyễn thuật, như mắt bệnh). Sở dĩ nói “thấy nghe như huyễn ế, tri giác là chúng sanh”. Trong môn này Tổ sư chỉ nói “dứt cơ quên kiến”, nên nói “quên cơ thì Phật đạo thanh, phân biệt thì quân ma lừng”.

Giảng:

Thánh nhân không tâm tức là Phật, thánh nhân không có những tâm sanh diệt nên thánh nhân là Phật. Phàm phu không tâm đâu không chìm nơi không lặng? Ngoại nhân cho rằng phàm phu không tâm tức là chìm lặng chỗ không ngơ, đâu thành Phật được. Đây cũng là chỗ nghi của nhiều người tu thiền. Khi tu tới lặng hết tâm sanh diệt thì đâm hoảng, mình tu tới chỗ không ngơ như vậy sao? Ở đây ngài trả lời:

Pháp không có phàm thánh, cũng không có chìm lặng. Pháp chân thật này không có đối đãi đây phàm kia thánh, cũng không chìm lặng. Tại sao? Pháp vốn chẳng có, chỗ khởi thấy không; pháp vốn chẳng không, chỗ khởi thấy có. Pháp là chỉ cho đạo, chỉ cho Phật. Phật vốn chẳng có vì nó không hình tướng. Tâm hằng tri hằng giác của chúng ta không hình tướng nên nói vốn chẳng có. Chỗ khởi thấy không, nó không có rồi thấy không sao được? Không la đối với có, mà nó không phải có thì làm gì chấp không. Pháp vốn chẳng không, chỗ khởi thấy có, chẳng không là có. Bây giờ cái liễu liễu thường tri hằng có nơi mỗi chúng ta, khi mình đang sống. Nó không thiếu nhưng ai diễn tả được. Diễn tả bằng lời nói hay bằng mực viết? Vẽ cái liễu liễu thường tri được không? Như nghĩ về mặt trăng, người họa sĩ tưởng tượng vẽ ra mặt trăng được. Còn không nghĩ về cái gì hết mà thường tri, thì cảm giác thể

nào, húng khởi thế nào để họa ra được? Tuy không diễn tả được mà nó hằng giác hằng tri, làm sao nói không. Vì vậy nên nói pháp vốn chẳng không, chỗ khởi thấy có.

Tâm liễu liễu thường tri của chúng ta không có hình dáng thì đừng bao giờ nghĩ nó là một pháp, vì có một vật là có hình tướng. Cái liễu liễu thường tri lúc nào cũng có, thì đừng bao giờ nghĩ nó chìm trong không. Như chúng ta ngồi thiền tới lúc lạng lẽ hết các niệm, lại sợ mình rơi vào không. Tại sao ta không nhận ra ai biết lạng lẽ hết các niệm? Cái gì biết? Còn có cái biết tại sao nói rơi vào không? Rơi vào không tức không biết gì hết, mà còn biết lạng lẽ làm sao nói rơi vào không? Đó là sự lầm lẫn của đa số người tu thiền. Khi đang lạng lẽ mình thấy rõ ràng lúc này tâm đang lạng lẽ. Lạng lẽ là cái chân thật rõ ràng thường biết, chứ đâu phải không biết.

Có cùng với không đều là tình kiến (thấy biết tình chấp), ví như huyễn ế (như huyễn thuật, như mắt bệnh). Ở đây nói tất cả khởi thấy có không là tình kiến, tức cái chấp. Ngài nói thấy chìm lạng là không, thấy Phật là có, thấy có thấy không đều thuộc tình kiến, tức thấy biết theo tình chấp của mình. Cái thấy biết theo tình chấp giống như con mắt bệnh, nhìn ra hư không giữa trưa, thấy hoa đốm lung tung cả bầu trời. Như vậy hoa đốm rối loạn trên bầu trời thực có hay tại con mắt bệnh? Tại mắt bệnh, chứ bầu trời không có hoa đốm.

Tâm chấp có chấp không bên này bên nọ là bị che phủ, không thấy được lẽ chân thật. Cho nên nói “thánh thì có, phàm thì không” hay “phàm thì mê, thánh thì ngộ”. Đó là thấy hai bên, thấy hai bên chưa phải cứu cánh. Ngài dẫn trong kinh dạy *thấy nghe như huyễn ế, tri giác là chúng sanh*. Nếu cái thấy cái nghe giống như người có con mắt bệnh là

thấy lắm nghe lắm, không đúng chân lý. Tri giác là hiểu biết, còn hiểu biết phân biệt là chúng sanh.

Trong môn này Tổ sư chỉ nói “dứt cơ quên kiến”, nên nói “quên cơ thì Phật đạo thanh, phân biệt thì quân ma lừng”. Dứt cơ là dứt cái gì? Cơ là chỉ cho căn cơ chậm lụt, căn cơ phàm thánh, tức sự sai biệt trình độ cao thấp. Còn khởi đây là phàm kia là thánh, đây là thông minh trí tuệ kia là ngu si v.v... tất cả phân biệt chia chẻ cao thấp hơn thua, đó là kiến. Còn phân biệt phải quấy tốt xấu v.v... là phân biệt. Quên hết các kiến chấp cao thấp, phàm thánh, ngu trí v.v... tất cả không còn dính kẹt thì Phật đạo thanh. Nếu khởi phân biệt giỏi thì quân ma lừng.

Chúng ta tự kiểm xem nơi mình ma thanh hay Phật thanh? Tu theo Phật sao để ma thanh, điều này thật khó hiểu. Tu theo Phật thì Phật thanh chứ sao lại để ma thanh. Nếu ma thanh thì chúng ta đi đường nào? Đường ma. Bao nhiêu đó đủ thấy khổ rồi, tu theo Phật mà đi đường ma. Đi đường ma làm sao thấy được đạo. Bởi vậy các thiền sư tu hay thường như ngu như ngơ. Các ngài không muốn phân biệt chi hết, mình cho là ngu. Còn chúng ta khôn quá lanh quá nên gần với ma. Chừng nào mình như ngu như ngơ mới đi đường của Phật được. Mỗi vị tự kiểm sẽ biết mình đang đi trên đường Phật hay đang đi trên đường ma. Một ngày ta đi trên đường Phật chừng bao nhiêu phút, đi đường ma bao nhiêu phút? Kiểm như vậy thì biết ngay mình như thế nào.

Việc tu thực ra hết sức dễ, không tốn công tốn của chi hết. Chỉ cần khởi nghĩ liền buông. Chỉ buông thôi, thì cả ngày chơi chứ làm gì. Chuyện gì tới buông, như vậy cả ngày không dính. Nếu phải lượm cái này, mót cái kia, gom nhóm lại cho

nhiều thì cực khổ. Như học trò đi học là cực khổ, phải dồn bài này vô, bài kia vô, phải nhớ nên cực. Còn người tu chỉ buông thôi, thật là khỏe. Vậy mà có người than tu khổ quá. Khổ là tại không dám buông, cứ bám giữ hoài.

Một ví dụ hết sức cụ thể, như quý vị ở trong chúng, bất thần nghe ai nói xấu mình, thì sao? Mặt bừng bừng lên, cãi om sòm với nhau. Lúc đó vui hay mệt? Khởi nghĩ cãi vã là đã nghe nóng bức trong lòng, bức bội khó chịu. Ngược lại, nghe huynh đệ nói xấu, mình cười, không có gì hết. Khỏe không? Nó nhẹ như bong bóng. Nếu mình đặt câu hỏi phải quấy “tôi nói hồi nào?” để cãi hơn thua thì trong lòng nóng hay nguội? Nóng lên rồi phiền não. Người nào một ngày có năm ba người tới mách kiếu đó thì sao? Bức bội cả ngày nên thấy tu phiền não quá. Nếu biết buông, không có gì quan trọng, giả sử một chục người mách mình cũng buông hết thì khỏe ru, có việc gì phiền não đâu.

Như vậy buông khỏe hay nắm để cãi hơn thua khỏe? Người buông là người khôn hay người chấp hơn thua là người khôn? Nếu theo đạo thì người bám vào hơn thua phải quấy để sanh phiền não là người ngu, còn người buông xả tất cả phiền não, không dính dáng gì là người khôn. Bây giờ ai chịu làm người khôn? Ai chịu làm người ngu? Việc làm dễ như trở bàn tay chúng ta không làm, còn những việc sanh phiền não bức bội, đôi khi nhỏ xíu thôi mà bên này giành khôn cãi qua, bên kia giành khôn cãi lại, cãi một hồi thành việc lớn. Có khi bức bội muốn xách gói đi luôn, coi như cả đời tu chỉ vì việc hơn thua làm mình hư hỏng. Tự nhiên mình làm khổ mình khổ người. Vậy mà bị che tu ít không chịu, nói tôi tu đủ lắm, tu đủ lắm nên cãi cũng đủ luôn. Đó là những lầm lẫn quá lớn.

Chúng ta phải hiểu rõ *quên cơ thì Phật đạo thanh, phân biệt thì quân ma lừng*. Thuộc lòng như thế để mà tu.

Chánh văn:

Hỏi: Tâm đã xưa nay là Phật, lại cần tu lục độ vạn hạnh chăng?

Đáp: Ngộ tại tâm không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Giả sử Bồ-đề, chân như, thật tế, giải thoát, pháp thân thẳng đến Thập địa, bốn quả vị thánh đều là cửa hóa độ, không quan hệ Phật tâm. Tâm tức là Phật nên nói “tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất”. Chỉ không tâm sanh tử phiền não... tức không cần đến pháp Bồ-đề... nên nói “Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp”. Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “nhất thừa”, nên nói “tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, chúng sanh này không còn nhánh lá, chỉ có các hạt chắc”. Bởi vì ý này khó tin nên tổ Đạt-ma sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy chỉ có một mình Huệ Khả đại sư thâm tin tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “tức tâm là Phật”. Thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh, tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ”. Lại có câu “khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn”.

Giảng:

Tâm mình xưa nay đã là Phật rồi, cần tu lục độ vạn hạnh không?

Ngộ tại tâm không quan hệ gì lục độ vạn hạnh. Lục độ vạn hạnh đều là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh. Thường thường nói tu lục độ vạn hạnh là hay lắm mà ở đây lại nói ngộ tại tâm, không quan hệ gì đến lục độ vạn hạnh. Ngộ là nhận chân được tâm bất sanh bất diệt ngay nơi mình, chứ không phải tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục... mới được tâm đó. Tu các pháp như thế là tu bên ngoài, còn nhận được ngay nơi tâm mình mới là cho chân thật. Nên nói lục độ vạn hạnh là cửa hóa đạo, là việc bên tiếp vật độ sanh.

Cửa hóa đạo là cửa để truyền bá Phật pháp cho mọi người. Vì người đời chưa thể trực nhận được tâm chân thật của mình, nên dạy họ phương tiện làm cho tham sân si giảm. Từ tham sân si giảm dần dần mới đi tới chỗ nhận được tâm chân thật. Bởi vậy lục độ dạy bố thí để bớt tham, nhẫn nhục bớt sân v.v... Còn tâm chân thật vượt hết tất cả các thứ. Gốc nhận được thì tất cả ngọn ngành đều thuộc bên ngoài. Vì vậy nói cửa hóa đạo là bên tiếp vật độ sanh. Ở đây chỉ thẳng tâm chân thật nên gọi là Tối thượng thừa.

Giả sử Bồ-đề, chân như, thật tế, giải thoát, pháp thân thẳng đến Thập địa, bốn quả vị thánh đều là cửa hóa đạo, không quan hệ Phật tâm. Những từ Bồ-đề, chân như, giải thoát, pháp thân v.v... đều là cửa hóa đạo, không phải Phật tâm. Với người mê, dạy họ tu để được Bồ-đề là giác, vì giác là dẹp mê. Nếu người bị trói buộc phiền lụy, dạy họ tu để được giải thoát. Tất cả những pháp ấy là phương tiện để diệt các thứ bệnh chúng sanh đang kẹt, cho tới quả vị Thanh văn hay hàng Thập địa cũng là cửa hóa đạo thôi, chưa phải chỗ

tốt cùng nên không quan hệ với Phật tâm. Phật tâm tức là tâm Phật sẵn có nơi mỗi chúng sanh.

*Tâm tức là Phật nên nói “tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất”. Trong cửa tiếp độ chỉ có Phật tâm là trên hết. Nếu lấy cấp bậc để so sánh đối chiếu, như tứ quả Thanh văn, Thập địa Bồ-tát v.v... thì thấy có cao thấp, nhưng đó là vì căn cơ chúng sanh không đồng, người thích tu thế này người thích tu thế kia nên Phật đặt ra như thế để dẫn dắt từ từ. Kỳ thật chỉ có tâm Phật của chính mình là trên hết, không dính dáng với tất cả cấp bậc quả chứng. Vì tâm Phật không có thứ lớp, không cao thấp, không đối đãi, đó mới là cứu cánh. Những gì có thứ lớp, cao thấp đều chưa phải là chỗ tốt cùng. Vì vậy nói *tất cả trong cửa tiếp độ, Phật tâm là bậc nhất*.*

Chỉ không tâm sanh tử phiền não... tức không cần đến pháp Bồ-đề... nên nói “Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp”. Tâm gì là tâm sanh tử? Tâm dấy tạo nghiệp là tâm sanh tử, vì tâm tạo nghiệp thiện ác cho nên mới sanh trong lục đạo luân hồi. Nếu không có tâm chạy theo đối đãi thiện ác thì không đi trong lục đạo luân hồi. Tâm gì là tâm phiền não? Buồn thương, giận ghét, hơn thua, phải quấy... là tâm phiền não. Có người nào nói tôi không buồn, không thương, không ghét ai... không? Lúc nào cũng phê bình huynh đó dễ thương, huynh kia dễ ghét quá. Cho nên tâm phiền não không lúc nào hết. Người dễ ghét mà ở cùng một phòng, giờ ăn giờ ngủ cũng gần một bên thì sao? Thì phiền não. Nếu mình không thêm ghét ai hết, đối diện với ai mình cũng không phiền não. Còn buồn thương giận ghét là còn phiền não. Ai không buồn thương

giận ghét thì hết phiền não. Cho nên nói *chỉ không tâm sanh tử phiền não... tức không cần đến pháp Bồ-đề...*

Ở đây dẫn lời Lục Tổ: *Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp.* Như người nóng nẩy ráng tu pháp nhãn nhục, người tham lam tu pháp bố thí, bây giờ không tham không sân... thì tu pháp gì? Cho nên Lục Tổ khẳng định *Phật nói tất cả pháp để độ tất cả tâm, ta không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp.* Nhưng tại sao ở đây chúng ta có dùng pháp tu? Tại vì còn tâm tham sân si đủ thứ hết, cho nên phải dùng pháp tu để tiêu mòn từ từ.

Từ Phật đến Tổ không luận việc gì khác, chỉ luận một tâm, cũng nói là “nhất thừa”, nên nói “tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, chúng sanh này không còn nhánh lá, chỉ có các hạt chắc”. Kinh Pháp Hoa nói cuối cùng không có hai, chỉ một pháp Nhất thừa, *tìm kỹ mười phương lại không có thừa khác, chúng sanh này không còn nhánh lá, chỉ có các hạt chắc*, nhánh lá để chỉ cho những phần chi tiết nhỏ nhặt như Thanh văn, Duyên giác... chỉ có các hạt chắc là chỉ còn có một Phật thừa.

Bởi vì ý này khó tin nên tổ Đạt-ma sang xứ này đến hai nước Lương, Ngụy chỉ có một mình Huệ Khả đại sư thâm tin tâm mình, ngay một câu nói liền lãnh hội “tức tâm là Phật”. Tổ Đạt-ma sang Trung Quốc bao nhiêu năm mà chỉ có một người tin được điều này. Cho nên vua Lương Võ Đế học kinh thâm nhập rất nhiều, giảng kinh rất hay mà cũng tin không nổi. Chỉ có tổ Huệ Khả tin được tâm mình, nghĩa là buông hết tất cả tâm sanh diệt rồi thì tâm chân thật hiện tiền. Tổ Huệ Khả tin nhận được điều đó.

Thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Thân này là rỗng, tại sao? Vì còn duyên thì hợp hết duyên thì tan, nó không thật, nên nói tánh không. Tâm sanh diệt cũng không. Thấy rõ hai thứ này rồi là đại đạo. Hồi xưa hỏi thế nào là đại đạo, các Tổ chỉ “Đường cái ở trước sân”. Sự thực biết các pháp tự tánh không, biết tất cả niệm sanh diệt là không, đó là trở về với đại đạo. Chúng ta ngày nay thấy các pháp thật, thấy tâm buồn thương giận ghét thật, cho nên không thấy đại đạo.

Đại đạo xưa nay bình đẳng, nên nói “tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh, tâm tánh không khác, tức tánh tức tâm, tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ”. Đại đạo xưa nay bình đẳng. Tại sao bình đẳng? Bởi vì nơi mọi người đều có, mà đã bình đẳng thì ai cũng có khả năng thành Phật hết. Nên nói tin sâu chúng hàm sanh đồng một chân tánh, đồng có tánh giác như nhau. Tất cả mọi chúng sanh đều có tánh giác. Tâm tánh không khác, tâm tánh mình và tâm tánh mọi người không khác nhau. Tức tánh tức tâm, nói tánh mà cũng nói tâm, tánh là chỉ cho Phật tánh, tâm là tâm chân như hay tâm chân thật. Tâm không khác tánh, gọi đó là Tổ, người nào tâm luôn luôn sống được với cái chân thật bình đẳng, người đó là Tổ.

Lại có câu “khi nhận được tâm tánh, nên nói không nghĩ bàn”. Khi người nhận được tâm tánh rồi thì không thể nghĩ bàn. Tại sao? Vì chỗ đó khởi nghĩ bàn thì không còn tâm tánh nữa, chỗ đó là chỗ không nghĩ bàn. Nghe nói không nghĩ bàn rồi cho rằng chỗ đó quá sức mầu nhiệm, linh thiêng thì lầm lẫn. Không nghĩ bàn là chỗ chân thật không còn một niệm nghĩ suy bàn tính.

Chánh văn:

Hỏi: Phật độ chúng sanh chăng?

Đáp: Thật không chúng sanh Như Lai độ, ngã còn không thể có, phi ngã làm sao có? Phật cùng chúng sanh đều không thể có.

Hỏi: Hiện có ba mươi hai tướng và độ chúng sanh, làm sao nói không?

Đáp: Phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng phi tướng là thấy Như Lai. Phật cùng chúng sanh đều do ông khởi vọng kiến, chỉ vì không biết bản tâm, dối khởi thấy hiểu, vừa khởi thấy Phật liền bị Phật chương, vừa khởi thấy chúng sanh liền bị chúng sanh chương, khởi thấy phàm thánh tịnh uế... thì cái thấy thành những chương ấy. Vì chương tâm ông trọn thành luân hồi, ví như con khỉ chân này buông chân kia nắm, không khi nào dứt. Nhất đẳng là học, cần phải không học, không phàm không thánh, không sạch không nhơ, không nhỏ không lớn, vô lậu vô vi. Như thế trong một tâm, phương tiện khuyên trang nghiêm. Dù ông học được ba thừa mười hai phần giáo, tất cả cái thấy hiểu thấy nên dẹp bỏ, nên nói “dẹp bỏ sở hữu, chỉ để một giường nghỉ bệnh mà nằm”.

Chỉ là không khởi các kiến chấp, không một pháp có thể được, không bị pháp chương, vượt khỏi tam giới và cảnh vực phàm thánh mới được gọi là Phật xuất thế. Nên nói “đánh lể như hư không chẳng chỗ nương, vượt hơn ngoại đạo; tâm đã chẳng khác, pháp cũng chẳng khác, tâm đã vô vi, pháp cũng vô vi”. Muôn pháp trọn

do tâm biến nên nói “tâm ta không, nên các pháp không, ngàn phẩm muôn loại thảy đều đồng.” Tột không pháp giới mười phương đồng một tâm thể. Tâm vốn không khác, pháp cũng không khác. Chỉ vì ông thấy hiểu chẳng đồng nên có sai biệt. Ví như chư thiên đồng bát ăn bằng bảy báu, mà tùy phước đức mỗi vị, cơm có màu sắc khác.

Mười phương chư Phật thật không có một chút pháp khá được gọi là A-nậu-bồ-đề. Chỉ là một tâm, thật không có tướng khác, cũng không ánh sáng, không có hơn thua. Vì không hơn nên không tướng Phật. Vì không thua nên không tướng chúng sanh.

Giảng:

Hỏi: Phật độ chúng sanh chăng? Câu này nghe rất thường. Nếu hỏi chúng ta thì mình đáp thế nào? Phật thành Phật rồi bốn mươi chín năm đi giáo hóa khắp nơi, để lại ba tạng kinh điển, độ vô lượng chúng sanh. Nhưng ở đây ngài không trả lời như vậy.

Đáp: Thật không chúng sanh Như Lai độ, ngã còn không thể có, phi ngã làm sao có? Thật không chúng sanh Như Lai độ, tại sao? Vì Như Lai là Phật, Phật không thấy có mình thật là ngã. Ngã còn không thấy hướng là phi ngã tức chúng sanh làm sao có. Như vậy chư Phật làm tất cả mà không thấy có gì để làm. Vì Phật không thấy có ngã, không thấy có ngã thì không thấy chúng sanh. Như vậy ngài độ hay không độ? Dường như là không độ, không độ mà không phải không độ. Tại sao? Vì không ngã, không chúng sanh, không thọ giả thì

lấy gì mà độ, nhưng ngài chỉ cho mọi người biết cái không ngã không nhân đó, nên gọi là độ.

Phật cùng chúng sanh đều không thể có. Đứng trên chân lý, trên lẽ thật thì Phật và chúng sanh đều không thật có.

Phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng phi tướng là thấy Như Lai. Ở đây dẫn kinh Kim Cang “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Chư Phật phá được ngã chấp về thân, ngã chấp về tâm cho nên các ngài không còn ngã. Nếu nói ngài độ chúng sanh thì còn thấy mình là người hay độ, chúng sanh là kẻ bị độ nên còn ngã còn nhân. Phật không còn ngã nhân thì ngài nói độ hay không độ? Độ tất cả mà không độ người nào hết. Cho nên nói: *thật không chúng sanh Như Lai độ.* Tại sao? *Ngã còn không thể có, phi ngã làm sao có.* Ngã là mình, mình đã không thật thì người làm sao thật mà nói độ. *Phàm có tướng đều hư vọng, nếu thấy các tướng phi tướng là thấy Như Lai,* thấy tất cả tướng đều không thật, đó là thấy được Phật.

Phật cùng chúng sanh đều do ông khởi vọng kiến, chỉ vì không biết bản tâm, dối khởi thấy hiểu, vừa khởi thấy Phật liền bị Phật chướng, vừa khởi thấy chúng sanh liền bị chúng sanh chướng, khởi thấy phàm thánh tịnh uế... thì các cái thấy thành những chướng ấy. Vì chướng tâm ông trọn thành luân hồi, ví như con khỉ chân này buông chân kia nắm, không khi nào dứt. Đoạn này nói tất cả chấp đều là vọng kiến, đã là vọng kiến thì không bao giờ thấy được tâm Phật. Không thấy tâm Phật làm sao gọi là Phật. Vì vậy phải chừa bỏ tất cả vọng kiến. Nếu chấp có Phật thật liền bị chướng về Phật, nếu chấp chúng sanh liền bị chướng về chúng sanh, cho tới

khởi cái chấp nào cũng bị chướng hết, vì tất cả các pháp đều hư dối không thật. Càng bị chướng chúng ta càng chìm sâu trong luân hồi, như con khỉ buông chân này nắm chân kia không bao giờ dừng.

Nhất đẳng là học, cần phải không học, câu này ý gì? Thường thường trong nhà thiền hay nói bậc nhất đẳng là bậc thông minh, học giỏi, là cấp trên hết. Nhưng nhà Phật dạy không học. Không học tại sao nghe kinh, nghe kinh là có học. Ở đây học mà không học. Học cái gì? Học buông. Học buông sao gọi là học? Ngoài đời học là đem vô, thu thập nhiều thi cử mới đậu. Người tu không như thế, ở thiền viện không có thi cử, chỉ xem người nào phiền não còn nhiều hay ít thôi. Ai phiền não ít thì cho làm Phật sự, ai còn nhiều thì thôi. Ở đây cho đi làm Phật sự không do bằng cấp học vị cao, mà chỉ là buông giỏi. Người nào buông giỏi thì cho làm Phật sự, người buông không giỏi thì chưa cho làm, vậy thôi.

Chúng ta tu là buông bỏ tất cả niệm sanh diệt, những phân biệt phải quấy hơn thua. Nếu ai chưa chịu buông mấy thứ đó, thì dù học giỏi tới đâu cũng chưa phải người giỏi. Cho nên ở đây nói: *Nhất đẳng là học, cần phải không học, không phạm không thánh, không sạch không nhơ, không nhỏ không lớn, vô lậu vô vi*, tức là chỗ chân thật không có tất cả đối đãi.

Như thế trong một tâm, phương tiện khuyên trang nghiêm. Tức là tâm chân thật phương tiện nói trang nghiêm. Dù ông học được ba thừa mười hai phần giáo, tất cả cái thấy hiểu thấy nên dẹp bỏ, nên nói “dẹp bỏ sở hữu, chỉ để một giường nghỉ bệnh mà nằm”. Dẹp hết tất cả sự nghiệp của cải, chỉ để một giường nghỉ bệnh ở giữa nhà thôi. Đó là để chỉ cho

tất cả kiến thức lượm lặt được bên ngoài phải buông hết, chỉ an trú chỗ chân thật.

Chỉ là không khởi các kiến chấp, không một pháp có thể được, không bị pháp chướng, vượt khỏi tam giới và cảnh vực phạm thánh mới được gọi là Phật xuất thế. Chừng nào thấy Phật xuất thế? Chừng nào không khởi tất cả kiến chấp, không một pháp thật, không cảnh giới nào thật mới ra khỏi tam giới, ra khỏi các cảnh phạm thánh. Tới chỗ ấy mới gọi là Phật ra đời.

Nên nói “đánh lể như hư không chẳng chỗ nương, vượt hơn ngoại đạo; tâm đã chẳng khác, pháp cũng chẳng khác, tâm đã vô vi, pháp cũng vô vi”. Ngài dẫn kinh nói đánh lể như hư không chẳng chỗ nương, vượt hơn ngoại đạo, tức là Phật pháp thân không có tướng mạo nên nói như hư không; pháp thân chân thật đó không có ngoại đạo nào đuổi theo kịp, so sánh được. *Tâm đã chẳng khác, pháp cũng chẳng khác, tâm đã vô vi, pháp cũng vô vi,* tâm không dấy một niệm nào thì tất cả pháp cũng như, nên tâm như thì pháp như, tâm vô vi thì pháp vô vi. Tất cả pháp từ tâm sanh, là chỗ đó. Tâm sanh diệt thì pháp cũng sanh diệt. Cho nên nói tâm sanh thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt.

Muôn pháp trọn do tâm biến nên nói “tâm ta không, nên các pháp không, ngàn phẩm muôn loại thấy đều đồng.” Tột không pháp giới mười phương đồng một tâm thể. Nói tâm ta không, nên các pháp không, chắc nhiều người nghi. Tâm không thì chùa chiền cây cối có không chẳng? Không sao được, người ta lạy Phật, người ta viếng chùa, cảnh vật rõ ràng mà nói không! Vậy tâm không, pháp cũng không là không với ai? Tâm không thì pháp cũng không với mình, chứ

không phải không với tất cả người khác. Tâm rộng không nên không thấy mình thật cảnh thật, nhưng người khác tâm có thì thấy chùa thật cảnh thật, đâu thấy không như mình. Cho nên tâm mình không thì pháp không với mình, còn tâm người khác chưa không thì pháp cũng chưa không với họ. Đừng nghĩ mình thấy không rồi ai cũng thấy không hết. Không phải vậy, hai chỗ khác nhau.

Cũng thế, chúng ta tu nghe ai nói lời nặng nhẹ, mình coi thường bỏ qua, nhưng người chưa tu bị kẻ khác nói nặng nhẹ thì họ không bỏ qua được. Như vậy người tu không chấp hơn thua phải quấy, lời nói nặng nhẹ với mình cũng không chấp. Người chưa biết tu còn cố chấp, tiếng nói nặng nhẹ hơn thua đối với họ là nguyên vẹn đầy đủ. Vì vậy hễ còn chấp là còn có, khi nào xả hết chấp thì mới không. Không với người hết chấp, chứ đừng nói không với tất cả.

Vì vậy nói rằng *tâm đã chẳng khác, pháp cũng chẳng khác, tâm đã vô vi pháp cũng vô vi*, tâm như là pháp như. *Muôn pháp trọn do tâm biến nên nói “tâm ta không, nên các pháp không, ngàn phẩm muôn loại thấy đều đồng”*. *Tột không pháp giới mười phương đồng một tâm thể*. Tức là tâm không còn dính dáng, không còn chấp nê thì tất cả muôn thứ cũng đều không dính dáng, cho tới cả mười phương thế giới chỉ thấy có một tâm thể thôi.

Tâm vốn không khác, pháp cũng không khác. Chỉ vì ông thấy hiểu chẳng đồng nên có sai biệt. Ví như chư thiên đồng bát ăn bằng bảy báu, mà tùy phước đức mỗi vị, cơm có màu sắc khác. Trong kinh thường kể, chư thiên cũng đều một bát báu, khi tới giờ ăn, vị phước nhiều thì thức ăn ngon, vị phước ít thức ăn dở. Đó là do công đức riêng tư, chứ không cố định.

Mười phương chư Phật thật không có một chút pháp khác được gọi là A-nậu-bồ-đề. Chỉ là một tâm, thật không có tướng khác, cũng không ánh sáng, không có hơn thua. Vì không hơn nên không tướng Phật. Vì không thua nên không tướng chúng sanh. Tất cả chúng sanh, tất cả chư Phật đều đồng một tâm thể. Đồng tâm thể như nhau, chứ không phải một. Như lẵng hoa trên bàn chúng ta đều thấy như nhau nhưng nếu khởi niệm so sánh thì khác nhau. Khi nhìn bình đẳng ai cũng thấy như nhau, nhưng khởi niệm so sánh hoa hồng này đẹp hay xấu rồi đánh giá nó, người khác cũng so sánh đánh giá, nên thành khác nhau. Chỉ cái nhìn ban đầu mọi người đều đồng giống nhau. Cái giống nhau đó chỉ cho tâm thể sẵn của mình, còn khởi phân biệt so sánh rồi khen chê là sai biệt.

Chúng ta nhìn muôn sự muôn vật giữa thế gian này, rõ ràng ai ai cũng có cái thấy như nhau, nhưng vừa khởi niệm thứ hai thì thấy khác nhau. Thấy sai biệt thuộc về tâm sanh diệt, còn cái thấy thứ nhất bình đẳng thuộc về tâm không sanh diệt. Càng tu chúng ta càng thấy ví dụ của Phật trong kinh Lăng-nghiêm hay đao để. Ngài đưa tay lên hỏi tôn giả A-nan thấy hay không?

A-nan thưa, thấy. Hỏi thấy cái gì? Đáp, thấy bàn tay của Phật đưa lên. Phật để tay xuống hỏi có thấy không? Đáp, không. Hỏi tại sao không thấy? Đáp, vì tay Phật không đưa lên nữa. Lúc đó Phật quở A-nan “Ông quả là người quên mình theo vật”. Tay Phật đưa lên là có tay, tay Phật để xuống là không có tay đưa lên; còn cái thấy, thấy có tay thấy không tay là cái thấy của mình. Nếu thấy tay nói có, không thấy tay nói không là lệ thuộc cảnh.

Tất cả chúng ta có lệ thuộc cảnh không? Cảnh có mình nói có, cảnh không mình nói không. Ta không nhớ mình có cái thường thấy thường nghe, Phật muốn chỉ dạy chính cái đó. Mọi người đang có cái thường thấy thường nghe, thường biết rõ ràng lại không nhận nó mà nhận cảnh. Mắt chạy theo sắc, tai chạy theo âm thanh, mũi chạy theo mùi..., suốt ngày cứ chạy như vậy. Bước vô bếp liền nghe mùi nấu cái gì thơm quá. Đi ra ngoài nghe xầm xì, ai nói len mình đó, cứ tìm kiếm bên ngoài mà quên thực hữu của mình. Mình đi đâu nó cũng có, lúc nào nó cũng hiện tiền, không chịu nhớ cứ nhớ bên ngoài thôi. Cho nên sáu hồi sáu căn là phải. Chừng nào đừng chạy theo sáu trần mới biết mình hiện tiền, còn dính sáu trần là quên mất mình.

Quên mất mình, không phải nó không hiện tiền, như chuyện ngài A-nan vậy. Cái thấy là mình còn cái tay là cảnh, cái tay không nhưng cái thấy vẫn có, vậy mà lại nói không cho nên Phật mới quả *quên mình theo vật*. Phật đã chỉ tường tận chúng ta có cái hiện tiền nhưng luôn luôn quên. Nếu nhớ mình hiện tiền, có khen cảnh đẹp cảnh xấu không? Chúng ta luôn ở trong cái chân thật mà lại quên, tìm hư dối rồi tranh đua hơn thua phải quấy suốt năm suốt tháng không dừng. Cuối cùng than sao tôi tu không tiến, tu hoài không thấy tỉnh giác, càng tu lâu trong chúng càng thấy phiền não, đông chừng nào phiền não lắm chừng ấy.

Bởi quên mình theo cảnh bên ngoài, nên suốt đời chúng ta chỉ quanh quẩn trong luân hồi không ra khỏi. Vì chạy theo bên ngoài là chạy theo sanh diệt, sanh diệt thì đi trong luân hồi lục đạo không làm sao giải thoát. Muốn giải thoát đừng dính với lục trần, không dính với lục trần là đang sống với

tâm chân thật. Ở đây ngài Hoàng Bá chỉ cái chân thật không chút giấu giếm, chúng ta khéo nhận thì nó sẽ đầy đủ ngay nơi mình.

Mười phương chư Phật thật không có một chút pháp khá được gọi là A-nậu-bồ-đề. Thật ra chư Phật không được cái giác ngộ. Tại sao? Vì tánh giác đã sẵn, không do đâu mà được. Chỉ là một tâm, thật không có tướng khác, cũng không ánh sáng, không có hơn thua. Vì không hơn nên không tướng Phật. Vì không thua nên không tướng chúng sanh. Không có hơn thua cao thấp nên không có tướng Phật tướng chúng sanh sai khác.

Chánh văn:

Hỏi: Tâm đã không tướng, đâu được hoàn toàn không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hóa độ chúng sanh?

Đáp: Ba mươi hai tướng thuộc về tướng, phàm có tướng đều hư vọng. Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, nếu do sắc thấy ta ấy là hành đạo tà, không thể thấy Như Lai.

Giảng:

Học nhân hỏi: Tâm đã là không tướng, nhưng đâu thể hoàn toàn không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật Thích-ca để giáo hóa chúng sanh? Ngài bảo: *Ba mươi hai tướng tốt thuộc về tướng, trong kinh Kim Cang dạy “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nghĩa là phàm những gì có tướng đều hư vọng. Ba mươi hai tướng là tướng hư dối không phải thật. Tám mươi vẻ đẹp thuộc về sắc, sắc là hình dáng đẹp huyễn tạm, kinh Kim Cang dạy “nhược dĩ sắc kiến*

ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”, nghĩa là *nếu do sắc thấy ta, do âm thanh cầu ta, người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai*. Như vậy ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật đều là tướng tạm bợ giả dối trên thân vô thường hư hoại, không phải chân thật.

Ở đây nói về Phật thật của chính mình. Phật này không căn cứ trên ba mươi hai tướng tốt, không căn cứ trên tám mươi vẻ đẹp, vì tướng tốt vẻ đẹp đều vô thường, biến hoại, không chân thật, cho nên không phải Như Lai. Như Lai ở đây chỉ cho pháp thân.

Chánh văn:

Hỏi: Phật tánh cùng chúng sanh tánh đồng hay khác?

Đáp: Tánh không đồng khác. Nếu nhằm giáo ba thừa nói có Phật tánh chúng sanh tánh, nên có nhân quả ba thừa, tức có đồng khác. Nếu nhằm Phật thừa và Tổ sư truyền nhau, không nói việc như thế, chỉ có một tâm, không đồng không khác, không nhân không quả. Nên nói “chỉ đạo nhất thừa này, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói”.

Giảng:

Hỏi *Phật tánh và chúng sanh tánh là đồng hay khác?* Thường thường chúng ta nghĩ rằng tánh Phật là tánh giác, còn chúng sanh chưa tu thì tánh mê. Như vậy có hai tánh giác và mê khác nhau. Nhưng ở đây nói trong chỗ cứu cánh, tánh Phật tánh chúng sanh không khác. Tại sao? Vì Phật có sẵn tánh sáng và ngài nhớ sống với tánh sáng đó, cho nên

hoàn toàn giác; chúng sanh cũng có sẵn tánh sáng nhưng quên đi nên gọi là mê. Như vậy mê và giác là do biết trở về hay không trở về thôi, chứ không phải tánh Phật và tánh chúng sanh khác nhau. Nói rõ hơn là khác trên cái giác cái mê, chứ không phải khác trên tánh. Nên nhớ tánh giác của Phật và tánh giác của chúng sanh không hai.

Nếu căn cứ trên giáo lý ba thừa, *nói có Phật tánh, chúng sanh tánh, có nhân quả ba thừa tức có đồng khác*. Đúng về Phật tánh không khác, nhưng căn cứ giáo lý ba thừa mà nói tức là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát thì có ba tánh: chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Duyên giác, chủng tánh Bồ-tát, nên thấy như có khác. Khác đó là gì?

Là trên phương tiện. Phương tiện thì thấy có chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Duyên giác, chủng tánh Bồ-tát.

Như có người tu lúc nào cũng thao thức mong thấy đạo, sau đó giáo hóa cứu độ chúng sanh, không nghĩ gì khác hơn. Có người tu cũng thao thức mong cho mình giải thoát sanh tử vì cuộc đời khổ quá, nhưng không nghĩ tới ai hết, chỉ nghĩ mình phải giải thoát sanh tử thôi. Hai người đó chủng tánh khác nhau chăng? Mới nhìn, chúng ta thấy người mong mình giác để độ tất cả chúng sanh là chủng tánh Bồ-tát. Người chỉ mong mình ra khỏi sanh tử thôi, đó là chủng tánh Thanh văn. Vậy chủng tánh ấy là sẵn hay do huân tập? Trong đời này ta thấy dường như sẵn, nhưng thực tình đã huân tập nhiều đời rồi. Người nhìn đời bằng cặp mắt bi quan, mong tu giải thoát sanh tử cho riêng mình, đó là huân tập theo cái nhìn bi quan. Người nhìn cuộc đời nhiều điều đau khổ, chúng sanh mê muội trong ấy mà không tự thấy, nên mong tu giác ngộ để chỉ đường chỉ lối cho mọi người cùng giác ngộ hết đau

khổ như mình, đó là chung tánh Bồ-tát. Nói chung tánh ba thừa chẳng qua là sự huân tập của đời trước thôi, còn chung tánh sẵn thì Phật và chúng sanh không khác. Nên biết chung tánh ba thừa là chung tánh do huân tập nhiều đời mà có, không phải chung tánh sẵn. Còn chỉ thẳng tức tâm là Phật thì tánh Phật đó là tánh sẵn của tất cả chúng sanh.

Nên nói *Nếu nhằm Phật thừa và Tổ sư truyền nhau, không nói việc như thế, chỉ có một tâm, không đồng không khác, không nhân không quả*. Nhân quả là pháp căn bản của đạo Phật, mà ở đây nói không nhân không quả là bỏ pháp căn bản sao? Chỗ này người học Phật phải nắm cho vững, thấy cho tường tận. Nhân quả là căn cứ trên pháp sanh diệt mà nói, còn trong sanh diệt thì còn nhân còn quả. Từ nhân sanh ra quả là diễn biến vòng sanh diệt, đâu phải đứng một chỗ. Như chúng ta gieo hạt lúa xuống ruộng, nó lên cây lúa, rồi lần lần trở bông kết quả, cho tới lúa chín. Từ hạt lúa lên cây lúa phải qua một vòng biến chuyển, cây lúa ra bông lúa lại chuyển biến, bông lúa thành hạt lúa chín cũng chuyển biến, rồi lấy hạt lúa vừa mới thu hoạch gieo trở lại nữa, tức là tiếp tục những vòng chuyển biến. Nhà Phật gọi đó là biến chuyển lần quẩn trong vòng luân hồi. Cho nên trong vòng luân hồi nhân quả là lẽ thật, là chân lý. Nếu thoát ra vòng luân hồi thì không còn nhân quả nữa. Hiểu cho tường tận như vậy mới không có lỗi.

Chỉ đạo nhất thừa này, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói. Đoạn này dẫn trong kinh Pháp Hoa. Phật nói chỉ có một Phật thừa hay Nhất thừa, không nói hai nói ba. Nếu nói hai nói ba là Phật phương tiện nói, không phải chỗ cứu cánh. Như vậy nói Tam thừa, Nhị thừa v.v... là

phương tiện, chỉ một Phật thừa mới cứu cánh. Kinh Pháp Hoa chỉ thẳng một Phật thừa, chư tổ truyền nhau cũng truyền một tâm chân thật. Tâm chân thật là chỉ cho tâm Phật hay tánh Phật, không có hai thứ.

Chánh văn:

Hỏi: Bồ-tát thân vô biên, tại sao không thấy đánh tướng của Như Lai?

Đáp: Thật không thể thấy. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát thân vô biên chính là Như Lai, chẳng lẽ lại thấy. Chỉ dạy ông không khởi chấp thấy Phật thì không rơi bên Phật, không khởi chấp thấy chúng sanh thì không rơi bên chúng sanh, không khởi chấp thấy có thì không rơi bên có, không khởi chấp thấy không thì không rơi bên không, không khởi chấp thấy phàm thì không rơi bên phàm, không khởi chấp thấy thánh thì không rơi bên thánh. Nếu không các kiến chấp tức là thân vô biên. Nếu có chỗ kiến chấp tức là ngoại đạo. Ngoại đạo ưa các kiến chấp. Bồ-tát đối các kiến chấp không động. Như Lai tức nghĩa “như” của các pháp. Nên nói “Di-lặc cũng như, các thánh hiền cũng như. Như tức không sanh, như tức không diệt, như tức không thấy, như tức không nghe”. Đánh của Như Lai tức là cái thấy tròn, cũng không cái thấy tròn nên không rơi bên thấy tròn. Do đó thân Phật vô vi không rơi vào các số, tam lấy hư không làm dụ, tròn đồng thái hư không thiếu không dư, rảnh rang vô sự, chớ gắng biện cảnh ấy, biện đến bèn thành thức. Nên nói “viên thành chìm biển thức, trôi lăn tự bỗng bay”. Chỉ bảo ta biết vậy, học được vậy,

khế ngộ vậy, giải thoát vậy, có đạo lý vậy. Chỗ mạnh ắt như ý, chỗ yếu ắt không như ý, cái thấy biết ấy có dùng vào chỗ gì? Tôi nói với ông, rảnh rang vô sự chớ dối dụng tâm. Chẳng cần cầu chân, chỉ phải dứt kiến chấp. Nên nói “thấy trong thấy ngoài đều lằm, Phật đạo ma đạo đều ác”. Cho nên ngài Văn-thù vừa khởi thấy hai liên thấy hai ngọn núi Thiết Vi. Văn-thù tức là thật trí, Phổ Hiền tức là quyền trí. Quyền thật đối trị nhau, cứu cánh không có quyền thật, chỉ là một tâm. Tâm chẳng phải Phật, chẳng phải chúng sanh, không có thấy khác. Vừa có thấy Phật liền thấy chúng sanh, thấy có thấy không, thấy thường thấy đoạn bèn thành hai ngọn núi Thiết Vi, bị cái thấy che ngại. Tổ sư chỉ thẳng tất cả chúng sanh bản tâm bản thể xưa nay là Phật, chẳng nhờ tu mà thành, chẳng thuộc thứ lớp dần dần, chẳng phải sáng tối. Thể tâm chân thật không phải sáng, không phải tối. Nhận được tâm đó rồi thì không có vô minh, cũng không có hết vô minh. Vào tông môn tôi đây cần yếu tại ý như thế. Thấy được gọi đó là Pháp, thấy Pháp nên gọi đó là Phật, Phật pháp đều không, gọi đó là Tăng. Kêu là tăng vô vi, cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Phàm người cầu pháp không nên chấp nơi Phật mà cầu, chẳng chấp nơi pháp mà cầu, chẳng chấp nơi chúng tăng mà cầu, nên không có chỗ cầu. Không chấp nơi Phật cầu nên không Phật, không chấp nơi pháp cầu nên không Pháp, không chấp nơi chúng tăng cầu nên không Tăng.

Giảng:

Hỏi Bồ-tát thân vô biên, vì sao không thấy đánh tướng của Phật? Nói thân vô biên là chỉ cho Phật, chứ có thân nào khác. *Bồ-tát thân vô biên* là một tên khác để chỉ cho Phật. Phật làm sao thấy đánh tướng của Phật. Vì Phật là Phật rồi nên không còn thấy có Phật, có chúng sanh. Thấy có Phật có chúng sanh là còn chấp hai bên, chưa phải chân lý. Chúng ta hiện giờ chấp bao nhiêu bên? Vạn ức bên, chứ chẳng phải chỉ hai bên. Nào là chấp phải chấp quấy, chấp có chấp không, chấp giả chấp thật, chấp tốt chấp xấu... đủ thứ chấp.

Con người luôn luôn lấy hai bên làm thật, để đo để khẳng định mọi việc. Ví dụ hỏi việc này có không, nếu đáp có là đúng ý mình thì ta chấp nhận cái có, nếu nói không là đúng ý mình thì ta chấp nhận cái không. Như vậy bắt phải nhận một trong hai hoặc là có hoặc là không. Hỏi việc đó phải hay quấy, nếu người nói phải đúng ý mình thì vui, nếu người nói sai ý mình thì nổi sân lên. Từ chấp hai bên mà phát sanh không biết bao nhiêu phiền não, mọi cuộc tranh hơn tranh thua để rồi khổ đau với nhau đều do chấp hai bên mà ra. Nếu ngày nào mình không còn chấp hai bên thì ngày đó cười hoài, không có chuyện gì để nói nữa.

Bây giờ chúng ta thử nói chuyện không dính hai bên xem. Đó là điều người thường không thể hiểu nổi. Vì người ta đã quen tập cái nhìn phân biệt hai bên, ai là người thân, ai là kẻ thù, ai phải ai quấy, ai xấu ai tốt, luôn luôn phân biệt. Khi cầm một vật đưa lên thì hỏi “Cái này tốt hay xấu?”, chứ không bao giờ đưa lên cho người ta thấy. Nếu trả lời tốt đúng ý mình thì bằng lòng, vui. Nếu mình nghĩ tốt mà ai nói xấu thì buồn. Mọi người cả thế gian này đều sống trong cái tạm

bộ bên ngoài. Bám vào đó, phân biệt chia chẻ rồi khen chê thương ghét, từ đó sanh khổ đau.

Nếu ai sống được tâm không kẹt không dính hai bên là giải thoát. Người nào từ sáng tới chiều không dính hai bên, người đó có phiền não không? Chắc không, vì buồn phiền là tại thích được khen, ghét bị chê. Có khen có chê thì có người ưa mình có kẻ ghét mình. Vậy mà đa số chúng ta chỉ sống trong khen chê. Do đó cả ngày gây bao nhiêu bất mãn cho nhau. Cái gì mình làm ít khi nào mình nói xấu, cái gì người khác làm ít khi nào mình khen tốt. Ví dụ người thợ mộc dựng cái nhà và hài lòng rồi, nhưng ai tới chê thì tự nhiên phiền não trong lòng. Cho nên biết phân biệt khen chê là gốc của phiền não, vậy mà chúng ta lại quen tậ khen chê. Vì thế tuy đã tu, cạo đầu cho sạch hết mấy sợi tóc phiền não, nhưng còn khen chê là còn phiền não. Người tu mà phân biệt khen chê nhiều chừng nào thì khổ nhiều chừng ấy, tu rất chậm tiến.

Cho nên ở đây nói *không khởi chấp thấy chúng sanh thì không rơi bên chúng sanh, không khởi chấp thấy có thì không rơi bên có, không khởi chấp thấy không thì không rơi bên không, không khởi chấp thấy phàm thì không rơi bên phàm, không khởi chấp thấy thánh thì không rơi bên thánh. Nếu không các kiến chấp tức là thân vô biên*. Thân vô biên là thân ai? Là thân Phật. Chỉ không tất cả kiến chấp thì thân Phật hiện tiền. Như vậy làm Phật khó hay dễ? Đừng kiến chấp gì hết, không chấp có không, không chấp giỏi dở, tất cả đều không chấp. Thấy là thấy, nghe là nghe mà không chấp, đó là thân Phật hiện tiền.

Khi thân Phật hiện tiền gọi là trí hay ngu? Nhiều người cho rằng không phân biệt phải quấy là ngu. Nhưng thực ra

đó mới thật là người không dính kẹt. Chúng ta thử sống một ngày đừng khởi khen chê, hay dở, tốt xấu... thử coi ra sao? Ngày đó có nhọc không, có đổ mồ hôi xót con mắt không? Chỉ không chấp, nhẹ nhàng thôi. Tu một ngày như vậy là hay lắm. Nếu chúng ta ráng ngồi thiền trọn ngày rất đau chân. Bây giờ vẫn đi tới đi lui, cũng làm công kia việc nọ mà không chấp gì hết. Ngày đó là một ngày Phật, là ngày tu chín chắn nhất.

Nhiều người cho rằng tu thì phải công phu thật nhiều, vận dụng sức thật nhiều, mà không ngờ buông xả mọi kiến chấp là tu. Nếu xả bỏ mọi kiến chấp thì trong tâm có gì phiền não. Ngược lại nếu tu nhiều mà không khéo sẽ có tới hai thứ phiền não. Ví dụ người ta ngồi thiền hai giờ, mình ngồi bốn giờ nhưng không tỉnh giác, sẽ có hai thứ phiền não. Thứ nhất, mọi người thấy mình ngồi giỏi hơn họ mà không ai thêm nói gì hết là trong lòng buồn rồi đó. Thứ hai, mình ngồi bốn giờ nên thấy ai ngồi một giờ xả thì chê. Đó là hai thứ bệnh.

Cho nên tu nhiều mà chấp nhiều thì càng bệnh. Ta ngồi đó là việc của ta, đừng nhìn người khác rồi khởi khen chê, như vậy mới là tu thật. Còn tu để hãnh diện mong người ta khen, họ không khen thì buồn, đó là tu trong đối đãi hơn thua, chưa phải tu thật. Cho nên phải cẩn thận.

Nếu có chỗ kiến chấp tức là ngoại đạo. Ngoại đạo ưa các kiến chấp. Bỏ-tát đối các kiến chấp không động. Quý vị nhớ kiến chấp là ngoại đạo. Tại sao? Vì họ hay nghiêng lệch một bên, hoặc chấp có hoặc chấp không, hoặc chấp phạm hoặc chấp thánh v.v... đủ thứ chấp.

Tóm lại chấp chặt một bên là ngoại đạo. Người tu Phật không cho dính bên nào hết. Cho nên nói *Bồ-tát đối các kiến chấp không động*.

Như Lai tức nghĩa “như” của các pháp. Nên nói “Di-lặc cũng như, các thánh hiền cũng như. Như tức không sanh, như tức không diệt, như tức không thấy, như tức không nghe”. Chữ *như* đây là *như như*. Như Lai là chỉ cho đức Phật, ngài không có dấy động, không có kẹt mắc, đối với các pháp không dính không mắc, tất cả đều như như cho nên gọi là Như Lai. Ở đây dẫn trong kinh: *Di-lặc cũng như, các thánh hiền cũng như, như tức không sanh, như tức không diệt, như tức không thấy, như tức không nghe*. Có người hiểu lầm như tức không thấy, như tức không nghe là mù tối hay điếc rồi. *Như* thấy mà không thấy, *như* nghe mà không nghe. Tại sao? Thấy tất cả mà không dính gì hết thì thấy như không thấy, nghe tất cả mà không dính gì hết thì nghe như không nghe. Tâm được *như* thì cả ngày đi đứng nằm ngồi đều sống trong cảnh giới Phật. Ngược lại cứ lằng xằng lộn xộn, phân biệt hay dở, tốt xấu, hơn thua cả ngày thì sống với chúng sanh.

Đảnh của Như Lai tức là cái thấy tròn, cũng không cái thấy tròn nên không rơi bên thấy tròn. Do đó thân Phật vô vi không rơi vào các số, tạm lấy hư không làm dụ, tròn đồng thái hư không thiếu không dư, rảnh rang vô sự, chớ găng biện cảnh ấy, biện đến bèn thành thức. Chúng ta thường nghe nói tướng trên đảnh của Phật là tướng tròn nhưng ở đây nói không phải tướng tròn, vì thể của Phật là thể giác, trùm khắp không thiếu sót chỗ nào, nên nói tròn đồng thái hư. Thái hư bao lớn thì tánh giác cũng như vậy.

Thân Phật vô vi không rơi vào các số, chữ vô vi ở đây khác với chữ vô vi của Lão Tử. Lão Tử nói vô vi là không làm, còn nhà Phật nói vô vi là đối với hữu vi. Trên thế gian này, những gì có đủ ba tướng sanh trụ diệt hoặc bốn tướng sanh trụ dị diệt đều gọi là hữu vi. Còn cái không có ba hoặc bốn tướng sanh trụ dị diệt thì gọi là vô vi. Vô vi là không sanh, không sanh nên không trụ không diệt. Pháp thân Phật không sanh nên không diệt, vì vậy nói giải thoát sanh tử.

Chúng ta tu ai cũng mong giải thoát sanh tử, nhưng giải thoát bằng cách nào? Nhiều người hiểu lầm giải thoát sanh tử là sống hoài, lên cảnh Bồng Lai làm tiên sống thật lâu là giải thoát sanh tử. Hiểu như vậy mới đúng với chân lý Phật dạy. Ở đây chỉ thẳng tức tâm là Phật. Tức tâm là chỉ cho Phật pháp thân, chứ không phải Phật báo thân hóa thân. Phật pháp thân không sanh không diệt, chúng ta nhận ra Phật không sanh không diệt ngay đời này thì liền được vô sanh.

Chúng ta buông hết tất cả kiến chấp thì được như, như tức là Phật. Từ sáng đến chiều tâm mình luôn như thì sao, giải thoát sanh tử chưa? Khó nói. Bởi vì thân tứ đại sẽ tử, làm sao nói giải thoát sanh tử được. Như Phật giác ngộ viên mãn rồi nhưng đến tám mươi tuổi ngài cũng tịch, đâu thể nói thân này giải thoát sanh tử. Giải thoát sanh tử là pháp thân bất sanh bất diệt, vì nó không còn sanh lần thứ hai thứ ba nữa nên gọi là giải thoát sanh tử. Đa số người lại mê chấp thân tứ đại, muốn nó còn hoài, nhiều khi thân bệnh nặng hoặc xấu xí mà cũng thương nó như thường. Nó bệnh cũng thương, nó xấu cũng thương, không bao giờ ghét nó. Do đó mất thân này liền kiếm thân khác, bỏ không được. Cứ thế

sanh đi tử lại vô số kiếp, khổ đau không biết bao nhiêu. Vậy mà ai cũng thích lăn hoài trong ấy.

Muốn thoát khỏi sanh tử thì đừng dính đừng chấp tất cả pháp hiện tại ở thế gian, sống trở lại với tâm thanh tịnh của mình. Nếu còn hay phân biệt là sống với thức sanh diệt, mà thức sanh diệt thì phải chuốc nghiệp sanh diệt.

Nên nói “viên thành chìm biển thức, trôi lăn tợ bông bay”. Tánh viên thành thật vốn sẵn có, nó chính là pháp thân. Tuy sẵn có nhưng nó bị thức phủ che nên nói chìm biển thức. Chúng ta sống theo thức nên trôi lăn như cỏ bông, khi bông nở gặp gió thổi bay tán loạn. Đoạn này muốn nói chúng ta có sẵn tánh viên thành thật, nhưng vì mình chạy theo sóng thức, tạo nghiệp sanh tử liên tục không dừng, giống như cỏ bông bay.

Viên thành là nói theo Duy thức, nói theo pháp tánh là Pháp thân. Như nước biển, tánh nó là lặng hay động? Nếu nó tánh động thì khi ta lấy nước để vào chỗ yên nó vẫn động, như con cá bỏ lên bờ nó vẫn giãy. Tánh nước không động mà tùy duyên, nếu biển gặp gió mạnh thì nó dậy sóng. Khi thấy sóng chúng ta cho rằng tánh nước là động, chứ sự thực tánh nước không động. Đang là một lượn sóng nổi cao vút, nếu mình dùng phương tiện hứng nước từ lượn sóng đó đổ vào một cái hồ yên lặng không có gió, lượn sóng đó còn âm âm nữa không? Không. Bản chất nước là yên, nhưng do duyên gió làm động.

Cũng vậy, Phật tánh hay viên thành thật tánh vốn yên, nhưng do tâm dấy phân biệt. Đó là dòng sóng thức nổi dậy, nổi dậy là động, động rồi tạo nghiệp sanh tử, cứ thế động liên tục. Bây giờ muốn ra khỏi sanh tử, ra khỏi là một lối nói thôi,

chứ có ra đâu, nói đúng hơn là muốn dòng sanh diệt dừng thì dừng duyên sóng thức thôi, sóng lặn tức là dòng sanh diệt hết.

Như vậy chúng ta tu không phải chuyện huyền hoặc, tưởng tượng, mà thực tế vô cùng. Mỗi người đều có cái thể trong lặng sáng suốt sẵn, nhưng vì sóng thức phân biệt nhay quá, cứ nghĩ cái này nghĩ cái kia, liên miên cả ngày không dừng. Vì vậy không thấy được tâm trong lặng. Bây giờ muốn dừng dòng sanh tử trước phải dừng sóng thức. Muốn dừng sóng thức phải dừng bớt đối duyên xúc cảnh, đừng chạy theo, đừng phân biệt. Nếu đối duyên xúc cảnh không chạy theo, không phân biệt thì tự nhiên thức lặng, tánh giác hiện tiền.

Vậy tu là lóng lặng dòng sóng thức của mình. Dòng sóng thức lặng thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền là tâm bất sanh bất diệt. Chạy theo dòng sóng thức là sanh diệt, sanh diệt là luân hồi. Dừng được dòng sóng thức thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì hết sanh tử. Như vậy tu là chuyện thực tế trong khả năng của mình hay quá khả năng của mình?

Mình có quyền nghĩ thì mình cũng có quyền dừng cái nghĩ đó. Ai bắt buộc, ai ra lệnh mình phải nghĩ? Có ai bắt buộc, ai ra lệnh đâu. Tự mình muốn nghĩ thì nghĩ, vì thói quen hay nghĩ, nghĩ riết thành nghiệp, dừng không được thôi.

Nhà thiền sợ chúng ta đi đông đi tây, thấy này thấy kia rồi chạy theo nghĩ, nên bắt ngồi yên ngó xuống cho bớt nghĩ, chứ có gì đâu. Thức lặng xuống rồi là dòng tâm thức dừng, tâm thanh tịnh hiện, có chuyện gì lạ đâu. Không có gì gọi là mâu nhiệm, là phép lạ hết, mà đó là chuyện thực tế ngay nơi mình. Nên tu thiền là việc thực tế, cụ thể ngay chúng ta,

không phải chuyện xa lạ bên ngoài. Chúng ta có sẵn quyền trong tay. Ngồi lại không nghĩ gì hết thì khỏe, nhưng có người ngồi không nghĩ lại gục. Hết gục lại nghĩ, cứ vậy thay phiên. Hôn trầm đã rồi tán loạn, tán loạn đã thì hôn trầm. Hai thứ bệnh ấy đổi qua đổi lại hoài, không dừng được ở chính giữa. Tu như vậy rất phí thời giờ, trọn không có lợi ích chi.

Chúng ta nên nhớ giờ ngồi tu là giờ vàng ngọc chứ không phải thường. Ngồi để buông xả tất cả dòng sóng thức đang chạy theo ngoại cảnh. Vừa nhớ liền buông, vừa thấy liền buông. Gỡ liên tục như vậy, một ngày mình gỡ được hai giờ, bốn giờ, sáu giờ thì đỡ quá rồi. Ngồi phải gỡ chứ không phải ngồi gục, gục thì đâu có thấy nó dấy lên mà gỡ. Thành ra ngồi thiền tối kỵ hai việc: thứ nhất là gục, thứ hai là loạn tưởng. Cho nên phải lam sao ngồi tĩnh, thấy rõ ràng từng niệm dấy lên mình buông, từng niệm dấy lên mình buông, đó là gỡ bớt tập khí nhiều đời, những thói quen ta đã tạo. Buông trong lúc không đối duyên xúc cảnh có hiệu quả rồi, khi đối duyên xúc cảnh mình dễ buông. Nếu trong lúc ngồi tránh duyên như vậy mà buông không được, khi ra ngoài gặp cảnh duyên làm sao buông được.

Cho nên tu thiền mượn phương pháp ngồi để tăng sức mạnh mà buông. Buông quen rồi thuần, khi đối duyên xúc cảnh mình cũng như như. Lúc đó khởi ngồi thiền. Người nào từ sáng tới chiều không dấy một niệm khen chê phải quấy, người đó khởi ngồi thiền, cứ đi chơi. Người nào còn xoay qua xoay lại, kể chuyện anh kia chị nọ lung tung, người đó phải ngồi thiền. Người ta bốn giờ mình phải sáu giờ hay tám giờ.

Tu là sức mạnh do chúng ta huân tập. Hồi xưa mình huân tập thói quen phân biệt, bây giờ ngồi lại huân tập thói quen gỡ bỏ cho nó lặng bớt từ từ, chừng nào thuần thục thì khỏi gỡ nữa, tha hồ đi chơi cả ngày như Lục Tổ. Lục Tổ có chịu ngồi thiền không? Thấy thầy đệ tử ngồi thiền bên hành lang chùa, ngài lại nắm lỗ tai thổi cái phũ. Tại sao? Ngài bảo “Phật nói tất cả pháp để trị tất cả tâm, Ta không tất cả tâm đâu dùng tất cả pháp”. Ngài đi đứng như như rồi thì ngồi thiền làm gì. Vì vậy thấy ông đệ tử ưa thích ngồi thiền ngài quở. Chúng ta bây giờ chưa được như như nên phải ngồi, ngồi nhiều là khác.

Chỉ bảo ta biết vậy, học được vậy, khế ngộ vậy, giải thoát vậy, có đạo lý vậy. Ngài chỉ cho chúng ta biết học đạo là vì sống thức nổi dậy âm âm nên phải làm cho dừng lại, lặng xuống thì mới hiện rõ tánh biển vốn không động.

Chỗ mạnh ắt như ý, chỗ yếu ắt không như ý, cái thấy biết ấy có dùng vào chỗ gì? Chỗ mạnh là những gì chúng ta thích thì như ý, không thích thì bất như ý. Người còn phân biệt như vậy là chưa dùng được tâm chân thật.

Tôi nói với ông, rảnh rang vô sự chớ dối dụng tâm. Rảnh rang vô sự sướng quá chừng, trên trần gian này đâu có ai sướng hơn. Dù các ông cự phú đầu cũng rồi nùi. Người rảnh rang vô sự là tiên rồi. Muốn thế phải làm sao? Mỗi đêm thắp hương cầu Phật cho con rảnh rang vô sự được không? Không được. Việc đó do sức của tự mình, nhất là trí phải sáng. Nhờ trí sáng nên không chấp, không chấp mới rảnh rang vô sự. Vì vậy người tu thì trí Bát-nhã luôn đi đầu. Tất cả sợi dây vọng thức trói buộc chúng ta với các pháp, mình phải dùng kiếm Bát-nhã chặt hết. Chừng nào đứt hết các dây ràng buộc

mình mới tự tại. Do đó đêm nào chúng ta cũng tụng Bát-nhã. Nhưng hình như tụng để Phật nghe thôi, chứ không thấm chi tới mình.

Do chúng ta dính mắc với pháp trần, chấp thân chấp cảnh, nên vận dụng trí Bát-nhã quán chiếu thấy thân cảnh là tướng duyên hợp hư dối không thật, biết nó hư dối tạm bợ nên mình không quan trọng, không dính mắc. Đó là một lẽ thật trong việc tu.

Chẳng cần cầu chân, chỉ phải dứt kiến chấp. Người tu không cần cầu chân mà phải dứt kiến chấp. Câu này hết sức chí lý. Chúng ta thường mắc lỗi là thấy bên này giả bên kia thật, rồi muốn tìm cho ra cái thật mà không nghĩ rằng chỉ không chấp thật liền hết kiến chấp.

Hết kiến chấp là chỗ chân thật cứu cánh. Còn thấy bên này chân bên kia giả thì chưa phải cứu cánh.

Nên nói “thấy trong thấy ngoài đều lầm, Phật đạo ma đạo đều ác”. Thấy hoặc tâm ở trong hoặc tâm ở ngoài v.v... đều lầm. Thấy đây là Phật đạo, kia là ma đạo đều sai. Tại sao? Vì hai bên là không thật, cái chân thật không có hai bên.

Cho nên ngài Văn-thù vừa khởi thấy hai liền thấy hai ngọn núi Thiết Vi. Văn-thù tức là thật trí, Phổ Hiền tức là quyền trí. Quyền thật đối trị nhau, cứu cánh không có quyền thật, chỉ là một tâm. Vừa thấy hai liền có hai ngọn Thiết Vi sẵn một bên.

Tâm chẳng phải Phật, chẳng phải chúng sanh, không có thấy khác. Tâm là tâm, không nói Phật, không nói chúng sanh.

Vừa có thấy Phật liền thấy chúng sanh, thấy có thấy không, thấy thường thấy đoạn bèn thành hai ngọn núi Thiết Vi, bị cái thấy che ngại. Thấy có thấy không, thấy Phật thấy chúng sanh, đó là thấy hai, mà thấy hai là che ngại tâm chân thật rồi.

Tổ sư chỉ thẳng tất cả chúng sanh bản tâm bản thể xưa nay là Phật, chẳng nhờ tu mà thành, chẳng thuộc thứ lớp dần dần, chẳng phải sáng tối. Phật tổ chỉ cho chúng ta biết tất cả chúng ta đều có Phật sẵn, Phật sẵn đó không phải do tu mà được. Nếu Phật do tu mà được thì đó là Phật sanh diệt, vì công phu huân tu thuộc pháp sanh diệt. Như vậy tu là tu cái gì? Tu là vận dụng sức phá dẹp vọng thức phân biệt của mình, vọng thức phân biệt lặn sạch thì ông Phật của mình hiện ra, chứ không phải tu để thành ông Phật.

Khi tu là sử dụng thân khẩu ý làm lành làm tốt, làm lành làm tốt thuộc pháp sanh diệt. Sanh diệt là sanh diệt, không thể thành cái không sanh diệt được, vì vậy tu không phải thành Phật, mà tu là dẹp hết vọng tưởng thì Phật sẵn hiện ra, chứ không phải tu để thành ngài. Lâu nay chúng ta quen nói ráng tu thành Phật, sự thực không phải như vậy. Cái chân thật sẵn có nhưng vì bị che khuất, bây giờ chỉ làm cho nó hiện ra thôi, không nói thành. Tu là vén màn vô minh để Phật hiện ra chứ không có gì khác. Chuyện Phật đã sẵn có, mình chỉ cần vén màn vô minh lên thì Phật hiện ra, dễ hay khó? Cái đã sẵn mình vạch ra thì dễ quá chừng rồi, nắm chắc trăm phần trăm trong tay. Cái ở đâu tìm kiếm thì không chắc, chứ nó đã sẵn rồi chỉ cần vạch ra là xong, thì đâu có khó. Hết sức đơn giản, chỉ chịu khó vạch màn vô minh hay không chịu khó vạch thôi.

Có người nào nói tôi nguyện suốt kiếp bị vô minh che lấp không, hay nguyện thành Phật? Nếu nguyện theo vô minh thì cần gì tu. Ai cũng nguyện thành Phật, chuyện thành Phật không phải khó, mà khó là tại mình còn thương vô minh. Quý vị có thương thân này không? Thương thì vô minh. Phật dạy chiếu kiến ngũ uẩn giai không, mà thương nó là thấy nó có thật, như vậy không phải vô minh là gì. Thương những suy nghĩ tốt của mình không? Thương, cũng là vô minh luôn. Vô minh làm cho mình khổ, mà thương nó thì làm sao hết khổ.

Ngày nay chúng ta còn khỏe mạnh còn đủ hơi ấm, còn đi đứng được thì thấy dễ thương. Nhưng ngày mai tắt thở, nằm trên giường chừng ba bữa, không ai để vô quan tài thì còn dễ thương không? Rõ ràng như vậy tại sao mình cứ thương nó. Con người đang sống còn hoạt động, đủ hơi ấm thì tạm vui vẻ với nhau. Nhưng lúc tắt thở rồi dù thân thiết mấy, chia sẻ với mình tất cả mọi buồn vui khốn khó đến đâu, mình cũng không dám trải chiếu nằm một bên. Thân này đã như vậy tại sao ta thương nó? Chỉ nên mượn thân làm việc gì có lợi ích hoặc tu hành để được giải thoát an vui. Nếu nuôi nó để chờ ngày tắt thở, trở thành thây thối thì thật đáng thương, như vậy có phải phí công không?

Sở dĩ nhà Phật thường nói “thân người khó được”, vì khi ta được nó mà không biết tu, không làm lợi ích cho mình cho người, đến khi thân mất rồi khó có thể được lại. Hoặc nhận thân xấu xí lông lá lù xù như con chó con heo thì khổ nữa. Làm thân người khả dĩ còn có những phút giây tỉnh, còn con chó con gà con heo, có con nào biết thân này vô thường đâu. Chỉ vô thường thôi nó cũng không biết, nói chi đến chân tâm Phật tánh, giác ngộ giải thoát. Cho nên Phật nói thân người

khó được, vì sợ mất thân rồi, rơi xuống các đường thấp thì không biết bao giờ tỉnh! Các loài vật thấp hết sống lại chết, tạo nghiệp triền miên, cứ vậy mà đi xuống đi xuống mãi. Được thân người là cơ hội tốt để chúng ta vươn lên, có trí tuệ thấy biết đúng sai chân giả để tu tập chuyển hóa, làm lợi ích cho mọi người. Cho nên được nó rồi phải biết quý trọng và dùng nó đúng cách.

Nếu được thân người rồi cứ lo ăn ngon mặc đẹp, vui vẻ tươi cười chờ ngã đùng chết thì có giá trị gì? Cho nên được thân người, chúng ta phải làm hai việc: một là nhận định đúng thân này ra sao, tìm cái thật ở nơi nó; hai là khi thấy được lẽ thật rồi cố gắng chỉ dạy, bảo cho mọi người cùng thấy lẽ thật đó. Như vậy mới tròn bổn phận của mình. Tự giác giác tha là tâm của Bồ-tát. Vì đạo Phật là đạo giác, đạo thấy đúng như thật. Người nào thấy thân quý thân thật, đó là người mê. Thấy thân này giả dối tạm bợ, ngày nào còn sống ráng lợi mình lợi người, đó là cái thấy của người tỉnh. Tỉnh là Bồ-tát, mê là chúng sanh.

Chúng ta biết tu, biết thương mình phải cố gắng làm sao đừng lệ thuộc vào vòng nghiệp thức lôi cuốn. Mỗi người tự cố gắng phá dẹp vô minh để được sáng suốt. Như vậy mới thật là người tu. Cho nên ở đây nói: *Chẳng phải sáng nên vô minh, chẳng phải tối nên vô ám, nên nói “không vô minh cũng không hết vô minh”*. Thở tâm chân thật không phải sáng, không phải tối. Nhận được tâm đó rồi thì không có vô minh, cũng không có hết vô minh.

Vào tông môn tôi đây cần yếu tại ý như thế. Thấy được gọi đó là Pháp, thấy Pháp nên gọi đó là Phật, Phật pháp đều không, gọi đó là Tăng. Người nào vào tông môn của nhà thiền

thì phải biết được ý như vậy. Ở đây nói thấy được tức là thấy được lẽ thật, gọi là pháp, pháp ấy gọi là Phật. Rốt ráo Phật pháp đều không, đó là Tăng. Tại sao thấy Phật, thấy pháp, rồi Phật pháp đều không? Bởi vì thấy Phật, thấy pháp là còn hai bên, mà tâm chân thật không có hai bên. Nhận ra tâm chân thật là Tăng, nên nói không còn hai bên nữa.

Kêu là tăng vô vi, cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Tăng là tăng vô vi, tăng không sanh diệt. Vì tăng nhận được thể chân tâm không còn đối đãi, chỉ là tâm chân thật thôi, nên gọi là tăng vô vi không sanh diệt, cũng gọi là Nhất thể Tam bảo. Như vậy Phật pháp tăng chung lại một thể, chứ không có hai.

Phàm người cầu pháp không nên chấp nơi Phật mà cầu, chẳng chấp nơi pháp mà cầu, chẳng chấp nơi chúng tăng mà cầu, nên không có chỗ cầu. Người cầu pháp mà không chấp Phật pháp tăng, nghĩa là không cầu nơi Phật, không cầu nơi Pháp, không cầu nơi Tăng thì cầu cái gì? Cầu vén màn vô minh cho ông Phật của mình hiện ra thôi, chứ không cầu Phật pháp tăng ở ngoài.

Không chấp nơi Phật cầu nên không Phật, không chấp nơi pháp cầu nên không Pháp, không chấp nơi chúng tăng cầu nên không Tăng. Cuối cùng chỉ là tâm, không có Phật pháp tăng ở bên ngoài. Phật pháp là phương tiện chứ không phải chân thật, chân thật là trở về tâm trong sạch sáng suốt bất sanh bất diệt của mình, đó là gốc.

Chánh văn:

Hỏi: Nay thấy Hòa thượng nói pháp thì đâu thể nói không Tăng cũng không Pháp?

Đáp: Nếu ông thấy có pháp nên nói, tức là lấy âm thanh cầu ta, nếu thấy có ta tức là xứ sở, pháp cũng không pháp, pháp tức là tâm. Tổ sư nói: Khi trao tâm pháp này, pháp pháp đâu từng pháp. Không pháp không bản tâm, mới hiểu tâm tâm pháp. Thật không một pháp có thể được gọi là ngôi đạo tràng. Đạo tràng chỉ là không khởi các kiến chấp. Ngộ pháp vốn không, gọi là Không Như Lai tàng. Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bậm. Nếu được ý trong đây, tiêu điều đâu có chỗ bàn.

Giảng:

Nếu thấy có người nói pháp có người nghe pháp là lấy âm thanh mà cầu, trong kinh Kim Cang Phật dạy “nếu lấy âm thanh cầu ta người đó hành đạo tà”. *Nếu thấy có ta tức có xứ sở là có nơi chốn. Pháp cũng không pháp* tức là tâm. *Pháp tức là tâm*, pháp do Phật nói Tổ nói, pháp đó không phải pháp bên ngoài. Tất cả đều chỉ về tâm, nên nói *pháp tức là tâm*.

Tổ sư nói: Khi trao tâm pháp này, pháp pháp đâu từng pháp. Tổ nói khi trao tâm pháp này, mỗi pháp mỗi pháp đều không phải pháp. Tại sao? Vì tất cả đều hướng về tâm.

Không pháp không bản tâm, mới hiểu tâm tâm pháp. Nghĩa là khi không thấy có một pháp thật, cũng không chấp tâm có chân có giả, lúc đó mới hiểu được tâm tâm pháp, là tâm mà Tổ muốn chỉ.

Thật không một pháp có thể được gọi là ngôi đạo tràng. Đạo tràng chỉ là không khởi các kiến chấp.

Người nào không thấy một pháp có thể được, không thấy có một pháp thật, đó là ngồi đạo tràng. Như vậy đạo tràng ở chỗ nào? Ở đâu mà thấy pháp thật thì không phải đạo tràng. Ngồi chỗ nào mà thấy các pháp duyên hợp hư ảo không có gì quan trọng thì chỗ ấy là đạo tràng, nơi nơi là đạo tràng. Đạo tràng chỉ là không khởi các kiến chấp, ngồi đâu mà không khởi kiến chấp, chỗ đó là đạo tràng.

Ngộ pháp vốn không, gọi là Không Như Lai tàng. Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm. Nếu được ý trong đây, tiêu điều đâu có chỗ bàn. Ngộ pháp vốn không tức ngộ các pháp vốn là Không, thể tánh nó không, không thật, đó gọi là Không Như Lai tàng. Dẫn lời tổ Huệ Năng nói *Xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm*, đó là ngài thấy đến chỗ tốt cùng Không Như Lai tàng. Nếu được ý trong đây, thì người đó tiêu điều không có chỗ nghĩ bàn.

Chánh văn:

Hỏi: Xưa nay không một vật, không vật là phải chăng?

Đáp: Không cũng chẳng phải. Bồ-đề không chỗ ấy, cũng không không hiểu biết.

Giảng:

Nếu chấp cái không thì cái không ấy cũng không phải. Tại sao? Vì Bồ-đề không có cái không cũng không có cái có, cho nên *cũng không không hiểu biết*.

Chánh văn:

Hỏi: Sao là Phật?

Đáp: Tâm ông là Phật, Phật tức là tâm, tâm Phật không khác. Nên nói “tức tâm là Phật”. Nếu lìa tâm ra không có Phật khác.

Giảng:

Xác nhận tâm chúng ta là Phật. Nói tâm là Phật là nói tâm nào, có phải tâm suy nghĩ phải quấy hay dở không? Tâm đó không phải Phật. Tâm Phật là tâm không dính gì hết, không chấp cái gì hết, tâm đó tức là Phật. Phật là chỉ cho tâm hiện biết tất cả mà không dính không chấp.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu tâm là Phật, Tổ sư từ Ấn Độ sang truyền thọ thế nào?

Đáp: Tổ sư từ Ấn Độ sang chỉ truyền tâm Phật, chỉ thẳng tâm các ông xưa nay là Phật, tâm tâm không khác nên gọi là Tổ. Nếu thẳng đó thấy ý này tức chóng vượt khỏi tam thừa tất cả các vị, xưa nay là Phật không nhờ tu thành.

Giảng:

Hỏi nếu tâm mình là Phật rồi, Tổ sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa truyền tâm gì? Đáp *Tổ sư từ Ấn Độ qua chỉ truyền tâm Phật, chỉ thẳng tâm các ông xưa nay là Phật, tâm tâm không khác nên gọi là Tổ*, tức là tâm của Tổ, tâm của chúng ta đều không khác. Người nào tu mà thấy tâm mình tâm người tâm chúng sanh đều không khác, đó gọi là Tổ.

Nếu thẳng đó thấy ý này tức chóng vượt khỏi tam thừa tất cả các vị, xưa nay là Phật không nhờ tu hành. Tu là dẹp những cái che đậy, chứ không phải tu để thành Phật.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu như vậy, chư Phật mười phương ra đời nói pháp gì?

Đáp: Chư Phật mười phương ra đời chỉ cùng nói một tâm pháp. Vì thế, Phật thẩm trao cho Đại Ca-diếp một tâm pháp thể này. Tột hư không khắp pháp giới gọi là lý luận chư Phật, pháp ấy đâu phải ông ở trên ngôn cú mà hiểu được, cũng không phải ở trên một cơ một cảnh mà thấy được. Ý này chỉ là thẩm khế hội, một môn ấy gọi là pháp môn vô vi. Nếu muốn hội được chỉ biết không tâm, chợt ngộ liền được. Nếu dụng tâm nghĩ học lấy thì càng đi xa. Nếu không tâm chia chẻ, không tất cả tâm thủ xả, tâm như cây đá, mới có phần học đạo.

Giảng:

Học mà tâm như cây đá thì làm sao mà học. Nên nhớ học ở đây là dứt hết những tâm dính, tâm kẹt, tâm chấp của mình. Gỡ bỏ cho sạch hết những thứ ấy là học đạo. Người nào học dễ thuộc dễ nhớ nhiều, đó là học chữ học nghĩa, chưa phải học đạo. Học đạo là xả *tất cả tâm, tâm như cây đá*. Nói như cây đá có người hiểu tâm như vô tri vô giác. Nếu vô tri vô giác đâu gọi là tâm. Tâm là cái biết, cái biết không dính không kẹt, không có cái gì che đậy, cái biết đó mới thật là tâm, tâm đó là tâm Phật. Còn tất cả cái biết sanh diệt, vừa có liền không, vừa sanh liền diệt đều là cái biết hư ảo, không thật.

Chánh văn:

Hỏi: Như hiện nay có các thứ vọng niệm làm sao nói không?

Đáp: Vọng vốn không thể, tức là tâm ông khởi lên. Nếu ông biết tâm ông là Phật, tâm vốn không vọng, đâu có khởi tâm lại nhận là vọng? Nếu ông không sanh tâm động niệm, tự nhiên không vọng. Sở dĩ nói “tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”.

Giảng:

Hỏi *hiện nay có các thứ vọng niệm, làm sao nói không?* Ngài đáp *vọng vốn không thể*. Quý vị tìm xem cái gốc của khởi nghĩ ra sao, ở đâu, có hay không? Nó không có gốc, mà không gốc không rễ thì có cái thể không? Vọng niệm không gốc rễ, vậy nó từ đâu ra? Từ tâm mà đấy.

Nếu ông biết tâm ông là Phật, tâm vốn không vọng, đâu có khởi tâm lại nhận là vọng? Nếu biết tâm mình là Phật thì không chạy theo cái vọng, không chạy theo vọng thì đâu có nhận vọng làm mình.

Nếu ông không sanh tâm động niệm, tự nhiên không vọng. Chúng ta đừng dấy tâm, đừng khởi niệm, đó là không vọng. Cho nên nói *tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt*.

Chánh văn:

Hỏi: Nay chính khi vọng niệm khởi, Phật ở tại chỗ nào?

Đáp: Nay khi ông biết vọng khởi, biết ấy chính là Phật. Vì thế, nếu không vọng niệm thì Phật cũng

không. Tại sao như vậy? Vì ông khởi tâm chấp thấy Phật, bèn bảo có Phật nên thành, chấp thấy chúng sanh, bèn bảo có chúng sanh nên độ, khởi tâm động niệm thấy là chỗ thấy của ông. Nếu không tất cả thấy thì Phật có chỗ nào? Như Văn-thù vừa khởi thấy Phật liền liếc thấy hai ngọn núi Thiết Vi.

Giảng:

Nay khi ông biết vọng khởi, biết ấy chính là Phật. Vọng vốn không thật, nếu nó dấy lên chúng ta theo nó thì tạo nghiệp. Bây giờ nó vừa dấy lên mình biết nó hư dối, cái biết ấy giác hay mê? Giác mới biết được vọng hư dối. Thấy đúng bản chất là giác, là Phật. Lục Tổ nói niệm khởi liền giác. Niệm khởi là vô minh, giác là Phật. Cho nên một trăm cái vô minh thì có một trăm ông Phật hiện ra. Bởi vậy khi tu, chỉ cần biết vọng không theo là có Phật hiện tiền.

Lâu nay chưa biết tu, khi dấy niệm quý vị chạy theo hay bỏ? Dấy niệm liền chạy theo. Ngồi trong thiền đường lại nhớ Thành phố, hồi đó mình ở chùa nào, đi học ra sao. Nhớ một dục như vậy là giác hay mê? Mê. Bây giờ vừa nhớ Thành phố liền biết vọng không thật, bỏ. Chạy theo vọng tưởng là mê, không chạy theo vọng tưởng là giác. Tại sao không chạy theo? Vì thấy đúng bản chất của nó không thật, đó là giác. Dù một trăm vọng tưởng dấy lên trong giờ ngồi thiền, chúng ta đều giác hết thì có thiệt thời không? Có Phật đầy đủ, làm sao thiệt thời. Khi vọng lặng hết không dấy lên nữa, mình vẫn thấy, vẫn biết, vẫn nghe, vẫn tỉnh sáng, lúc đó ông Phật hiện tiền.

Chúng ta canh ăn trộm, nếu cứ ngồi chăm chăm nhìn ngay cửa từ đầu hôm tới khuya, sợ ăn trộm vô, như vậy khỏe không? Mệt dữ. Thành ra cũng giữ ăn trộm nhưng cứ ngủ, chừng nào có động thì mở mắt nhìn, đốt đèn lên, không có thì cứ ngủ. Canh ăn trộm như vậy mới không mệt. Cũng vậy chúng ta nhìn vọng tưởng, không muốn nó dẫn đi, cứ chăm chăm nhìn nó hoài thì phát mệt, vọng tưởng không dấy lên nhưng đầu mình nặng. Bây giờ cứ ngồi thanh than, không thêm nhìn, chừng nào nó dấy lên liền thấy, thấy rồi buông, vậy thôi. Tu nhẹ nhàng, không cố tình chăm chăm, mới yên, mới khỏe, mới bền. Tu là vui, mà trái lại tu càng ngày càng quau thêm là tu sai. Cho nên nhìn gương mặt là biết người tu đúng hay tu sai liền. Tu mà tươi tỉnh, thanh thoi, luôn luôn sáng suốt đó là đúng.

Tại sao như vậy? Vì ông khởi tâm chấp thấy Phật, bèn bảo có Phật nên thành, chấp thấy chúng sanh, bèn bảo có chúng sanh nên độ, khởi tâm động niệm thấy là chỗ thấy của ông. Nếu không tất cả thấy thì Phật có chỗ nào? Nghĩa là mình khởi thấy bên này thì có bên kia, nếu không khởi tâm thì không có bên nào để thấy.

Như Văn-thù vừa khởi thấy Phật liền liếc thấy hai ngọn núi Thiết Vi. Chúng ta tu để tỉnh sáng, giác ngộ. Cái tỉnh sáng này không phải tìm kiếm ở đâu, ngay nơi tâm niệm mình vừa dấy vọng tưởng liền biết hư dối, không để nó dẫn lôi, đó là chúng ta tỉnh giác. Nó lặng thì thôi, ta cứ thanh tịnh không bận bịu gì hết. Tu như vậy là đúng.

Chánh văn:

Hỏi: Nay chính khi ngộ, Phật ở chỗ nào?

Đáp: Hỏi từ đâu đến, biết từ đâu khởi, nói nín động tịnh tất cả thanh sắc đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật? Không thể trên đầu lại để thêm đầu, trên mỏ lại thêm mỏ (mỏ chim). Chỉ chớ sanh kiến chấp khác thì núi là núi, nước là nước, Tăng là Tăng, tục là tục, núi sông, quả đất, mặt trời, mặt trăng, sao, thủy đều không ngoài tâm ông. Ba ngàn thế giới trọn là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thứ? Ngoài tâm không pháp, khắp thấy núi xanh, hư không thế giới rõ ràng mà không có bằng mấy tơ sợi tóc cho ông sanh hiểu biết, nên nói “tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật”. Pháp không khởi riêng, nương cảnh mới sanh, vì vật nhiều có trí nhiều. Trọn ngày nói mà đâu từng nói, trọn ngày nghe mà đâu từng nghe, nên nói “Thích-ca bốn mươi chín năm nói pháp mà chưa từng nói một chữ”.

Giảng:

Hỏi từ đâu đến, biết từ đâu khởi, nói nín động tịnh tất cả thanh sắc đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật? Như vậy Phật ở chỗ nào? Mã Tổ hỏi ngài Huệ Hải “ông tới đây cầu cái gì?” Đáp “cầu làm Phật”. Nói “kho báu nhà mình không đoái hoài, tới đây tìm cái gì?” Hỏi “cái gì là kho báu của Huệ Hải?” Đáp “cái ông hỏi ta đó”. Cái biết hỏi, cái nói, cái nín đều có Phật trong đó hết. Tại sao? Vì có hoạt động nào mà không có cái biết trong đó. Không biết thì có nói, có nín, có hoạt động không? Có nói, có nín là có hoạt động, mà có hoạt động là có tâm. Biết là tâm. Như vậy tất cả hành động đều có tâm trong đó. Tâm tức là Phật, như vậy tìm Phật ở đâu? Phật ở khắp nơi. Chỉ đừng dính với ngoại trần thì Phật hiện tiền, còn dính

với ngoại trần thì Phật ẩn, cho nên nói rằng không phải ở đâu khác.

Chỉ nói nín động tịnh tất cả thanh sắc đều là Phật sự, chỗ nào lại tìm Phật? Không thể trên đầu lại để thêm đầu, trên mỏ lại thêm mỏ, Phật ở ngay trong mọi hành động, không nên tìm Phật ở đâu nữa. Tìm Phật ở đâu nữa thì chẳng khác nào trên đầu đặt thêm đầu, trên mỏ đặt thêm mỏ.

Chỉ chớ sanh kiến chấp khác thì núi là núi, nước là nước, Tăng là Tăng, tục là tục, núi sông, quả đất, mặt trời, mặt trăng, sao, thấy đều không ngoài tâm ông. Ba ngàn thế giới trọn là tự thể của ông, chỗ nào có nhiều thứ? Ngoài tâm không pháp, khắp thấy núi xanh, hư không thế giới rõ ràng mà không có bằng mấy tơ sợi tóc cho ông sanh hiểu biết, nên nói “tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật”. Tất cả thấy, nghe, biết của chúng ta đối với ngoại cảnh, đối với sự vật lúc nào cũng có. Chỉ khác khi thấy nghe hiểu biết mà sanh chấp sanh dính thì đó là chúng sanh. Nếu thấy mà không chấp không dính là Phật. Cho nên tất cả thanh sắc là mắt tuệ của Phật.

Pháp không khởi riêng, nương cảnh mới sanh, vì vật nhiều có trí nhiều. Trọn ngày nói mà đâu từng nói, trọn ngày nghe mà đâu từng nghe, nên nói “Thích-ca bốn mươi chín năm nói pháp mà chưa từng nói một chữ”. Chúng ta nếu không để tâm duyên theo cảnh, cũng vẫn ăn, vẫn nói, vẫn làm mà không để tâm dính với cái gì hết, như vậy trọn ngày nói mà chưa từng nói, trọn ngày nghe mà chưa từng nghe. Cho nên đức Phật nói ta bốn mươi chín năm thuyết pháp mà chưa từng nói một chữ. Còn chúng ta nói thì kể ơn kể công đủ thứ, tôi thuyết được bao nhiêu thời pháp, tôi làm được cái gì cái gì... Chúng ta không giống Phật ở chỗ đó.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu như vậy chỗ nào là Bồ-đề?

Đáp: Bồ-đề không phải chỗ, Phật cũng không được Bồ-đề, chúng sanh cũng không mất Bồ-đề, không thể do thân mà được, không thể lấy tâm mà cầu, tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề.

Giảng:

Tại sao nói *Bồ-đề không phải chỗ, Phật cũng không được Bồ-đề*? Bởi vì Bồ-đề không có tướng mạo, Bồ-đề là tánh giác sẵn có của chúng ta. Đã không tướng mạo làm sao có chỗ nơi. Bởi tánh giác sẵn có nên chúng sanh không mất Bồ-đề, Phật cũng không được Bồ-đề. *Không thể do thân mà được* đó là chỗ nơi, *không thể lấy tâm mà cầu* đó là hình tướng, *tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề*. Vì tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh giác, không phải riêng Phật, nhưng Phật sớm thức tỉnh sống được với tánh giác nên gọi là Phật. Chúng sanh mê lầm chạy theo điên đảo vọng tưởng nên không thấy Bồ-đề, vì vậy gọi là chúng sanh. Nên biết Bồ-đề không phải dành riêng cho Phật, cũng không phải chúng sanh vô phần, khác nhau vì một bên tỉnh, một bên mê.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là phát tâm Bồ-đề?

Đáp: Bồ-đề không sở đắc, nay ông chỉ phát tâm không sở đắc, quyết định không được một pháp, tức là tâm Bồ-đề. Bồ-đề không có chỗ trụ, thế nên không có đắc, nên nói “Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không một chút pháp co thể được, Phật liền thọ ký cho ta”. Biết

rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ-đề, không lẽ lại được Bồ-đề. Nay ông nghe nói phát tâm Bồ-đề bèn cho là có một tâm học làm Phật. Chỉ nghĩ làm Phật, dù ông tu ba a-tăng-kỳ kiếp cũng chỉ là Phật báo thân hóa thân, cùng với Phật chân tánh bản nguyên của ông có gì liên hệ, nên nói “cầu Phật có tướng bên ngoài, cùng ông không tương tợ”.

Giảng:

Bồ-đề không sở đắc, nay ông chỉ phát tâm không sở đắc, quyết định không được một pháp, tức là tâm Bồ-đề. Thường thường người tu cần phải phát tâm Bồ-đề, tại sao ở đây nói Bồ-đề không sở đắc, nay ông chỉ phát tâm không sở đắc? Phát tâm không sở đắc là tâm nào? Là tâm Bát-nhã “dĩ vô sở đắc cố”. Do không có sở đắc, Bồ-tát y Bát-nhã được quả Bồ-tát, Phật y Bát-nhã được quả Phật. Như vậy phát tâm Bồ-đề là phải vận dụng trí tuệ Bát-nhã chiếu soi tất cả pháp, thấy không có một pháp thật. Vì không một pháp thật, có gì là sở đắc. Thấy không có sở đắc là tâm Bồ-đề, như vậy tâm Bồ-đề là tâm vô sở đắc.

Chúng ta tu phát tâm cầu đắc hay vô sở đắc? Đa số ai tu cũng cầu được thành Phật, thành Bồ-tát, thành A-la-hán, chứ không ai tu để được vô sở đắc. Nếu không có vô sở đắc thì không có Phật, không có Bồ-tát, vì Phật Bồ-tát đều từ trí tuệ Bát-nhã, thấy tất cả các pháp như huyễn, nên các ngài không dính không kẹt, không bị phiền não che đậy, do đó tâm giác ngộ sáng suốt tự hiển bày. Vì vậy gọi là Bồ-đề.

Bồ-đề không có chỗ trụ, thế nên không có đắc, nên nói “Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không một chút pháp có thể được,

Phật liền thọ ký cho ta”. Nói tới Bồ-đề là nói tới giác ngộ, mà giác ngộ thì không thấy có một pháp nào thật, nên không có chỗ trụ. Không có chỗ trụ là không có sở đắc. Vì vậy trong kinh Kim Cang, Phật dạy *Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng không một chút pháp có thể được, Phật liền thọ ký cho ta*. Vì không một chút pháp có thể được là vô sở đắc, nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho đức Thích-ca sau này sẽ thành Phật. Muốn thành Phật thì Bồ-tát hay chúng sanh phải tu đến chỗ vô sở đắc. Chúng ta tu cầu đắc cầu chứng nhiều quá nên không thành Phật được.

Biết rõ tất cả chúng sanh vốn là Bồ-đề, không lẽ lại được Bồ-đề. Tất cả chúng sanh đều có tánh giác là có Bồ-đề. Nếu tu được Bồ-đề thì chẳng lẽ thêm Bồ-đề thứ hai sao? Cho nên biết tất cả chúng sanh đều có tánh Bồ-đề thì không được Bồ-đề nữa.

Nay ông nghe nói phát tâm Bồ-đề bèn cho là có một tâm học làm Phật. Nghe nói phát tâm Bồ-đề tưởng có một tâm riêng học làm Phật, không ngờ phát tâm Bồ-đề là phá hết tất cả những kiến chấp các pháp là thật, phải quấy v.v... không dính nữa là Bồ-đề hiện, chứ không có tâm Bồ-đề ở đâu đến.

Chỉ nghĩ làm Phật, dù ông tu ba a-tăng-kỳ kiếp cũng chỉ là Phật báo thân hóa thân, cùng với Phật chân tánh bản nguyên của ông có gì liên hệ, nên nói “câu Phật có tướng bên ngoài, cùng ông không tương tự”. Nếu chúng ta nghĩ tu để được làm Phật thì dù tu tới ba vô số kiếp cũng chỉ là Phật báo thân, Phật hóa thân, cùng với Phật chân tánh tức Phật pháp thân không có gì liên hệ. Tại sao? Người ta cứ quen nghĩ tu đủ tất cả công đức như Phật, chừng đó sẽ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp v.v... đi giáo hóa chúng sanh,

đó là thành Phật. Như vậy muốn biết ai gần thành Phật hay chưa cứ xem họ được bao nhiêu tướng tốt. Người nào được mười lăm hai chuc tướng thì nghĩ hơi khá rồi, nếu ba chục tướng xem ra gần thành Phật. Nếu vậy thử hỏi đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, hiện giờ ở đâu? Thành tro bụi hết rồi, nếu còn thì chỉ là những viên xá-lợi nho nhỏ, chứ không phải ba mươi hai tướng tốt. Nên biết đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là Phật báo thân. Đức Phật thị hiện nơi này nơi nọ, giáo hóa chúng sanh là Phật hóa thân. Phật báo thân, Phật hóa thân là Phật sanh diệt. Chỉ có Phật pháp thân là miên viễn bất sanh, bất diệt, tất cả chúng sanh hiện giờ có sẵn Phật này.

Như vậy chúng ta muốn thành Phật miên viễn hay Phật tạm thời? Đa số muốn thành Phật ba hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, còn Phật miên viễn buồn quá, không thấy hình tướng ra sao hết. Đã có tướng thì sanh diệt, kinh Kim Cang nói “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đức Phật có tướng cũng sanh diệt, chúng ta tu phải đạt được Phật pháp thân mới không bị sanh diệt. Cho nên ở đây nói *cầu Phật có tướng bên ngoài, cùng ông không tương tự*, cầu làm Phật có hình có tướng thì không phải Phật pháp thân của chính mình, vì vậy *cùng ông không tương tự*.

Chánh văn:

Hỏi: Xưa đã là Phật sao lại có tứ sanh lục đạo các thứ hình mạo chẳng đồng?

Đáp: Chư Phật thể tròn không tăng giảm, trôi vào Lục đạo mỗi chỗ đều tròn, trong muôn loài mỗi mỗi đều là Phật. Ví như có viên thủy ngân, phân tán các

chỗ, mỗi mảnh đều tròn, nếu khi không phân chỉ là một khối. Đây là một tức tất cả, tất cả tức một. Các thứ hình mao dụ như nhà cửa, bỏ nhà lửa vào nhà người, bỏ thân người đến thân trời, cho đến nhà Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật đều là chỗ lấy bỏ của ông. Do đó có sai khác chứ tánh bản nguyên đâu có sai khác.

Giảng:

Ai cũng có Phật tánh là đã thành Phật lâu rồi, tại sao lại luân hồi trong lục đạo, có tứ sanh v.v...?

Phật tánh là Phật pháp thân tròn đủ, không tăng không giảm. Nhưng vì theo nghiệp trôi lăn trong lục đạo, tuy trôi lăn trong lục đạo nhưng tánh Phật cũng vẫn tròn đủ, trong muôn loài mỗi mỗi đều có tánh Phật.

Ví như có viên thủy ngân, phân tán các chỗ, mỗi mảnh đều tròn, nếu khi không phân chỉ là một khối. Đây là một tức tất cả, tất cả tức một. Ví dụ viên thủy ngân được chia ra trong mỗi chung nhỏ, ở chung nào nó cũng tròn. Nếu nhập chung lại thì nó thành một khối thủy ngân tròn. Một là tất cả, tất cả là một. Phật tánh vốn không hai không khác nhưng mỗi chúng sanh mang một Phật tánh riêng, chứ không phải chung lại.

Các thứ hình mao dụ như nhà cửa, bỏ nhà lửa vào nhà người, bỏ thân người đến thân trời, cho đến nhà Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật đều là chỗ lấy bỏ của ông. Do đó có sai khác chứ tánh bản nguyên đâu có sai khác. Trôi lăn trong lục đạo luân hồi hay chuyển lên tứ thánh cũng là chuyện lấy bỏ thôi. Lấy bỏ hình thức này hình thức kia chuyển dời mãi nhưng ông Phật của chúng ta vẫn không hai. Ai ai cũng sẵn

có ông Phật mà quên đi, nên Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp mọi người đều bái nói “tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài đều sẽ thành Phật”. Chuyện thành Phật của chúng ta là nhất định rồi, vì ai cũng có chủng tánh Phật nhưng vấn đề là gần hay xa thôi. Mười đời, trăm đời, muôn triệu đời kiếp... cũng sẽ thành hết.

Như vậy trên đường tu, không phải chúng ta tìm kiếm những gì xa lạ ở chân trời góc biển, hay trong cõi hư không vô tận, mà chỉ nhìn thẳng nơi mình, biết được mình có tánh Phật. Buông xả những nghiệp tập trong lục đạo chúng sanh, từ từ nghiệp tập sạch thì tánh Phật hiện ra, không tìm ở đâu xa hết. Người tu là thực tế chứ không phải viễn vông. Bởi Phật là giác, giác tức tri giác, biết và sáng. Như hiện giờ quý vị ngồi nghe giảng, chỉ nghe thôi không nghĩ, không tính không suy, không nhớ tưởng gì hết, lúc đó có nghe biết không? Nghe biết rõ ràng. Chúng ta sẵn có tánh nghe biết, không đợi suy nghĩ mới có. Suy nghĩ tốt, suy nghĩ xấu, suy nghĩ bị chê được khen v.v... mới sanh phiền não, còn thường nghe như vậy đâu có phiền não, trong sáng rõ ràng.

Trong khi nghe giảng nếu quý vị chú tâm, lúc đó không có niệm sanh diệt, chỉ là rỗng rặt tánh nghe thanh tịnh, làm sao không có Phật. Niệm nghĩ suy mới là tướng sanh diệt, còn tánh nghe thanh tịnh có sanh diệt không? Không. Vậy mà bảo mình luân hồi lục đạo, tội nghiệp chưa? Chúng ta bỏ của quý nhà mình, chạy theo điên đảo rốt cuộc phải chịu luân hồi. Do đó Phật tổ thương chỉ dạy, nhắc tới nhắc lui để chúng ta nhớ mình đang có cái chân thật, đừng quên mất, quên mất thì đi trong luân hồi đau khổ.

Ở đây nói *các thứ hình mạo* trong lục đạo luân hồi *dụ như nhà cửa, bỏ nhà lửa vào nhà người*. Nhà lửa tức là tái sanh làm lửa, bỏ thân lửa được trở lên làm người là tới nhà người. Thân này như nhà cửa, vô nhà này một thời gian, bỏ ra đi tới nhà khác, liên miên như vậy. Quý vị muốn đi hoài trong các nhà đó hay muốn ra khỏi? Đi hoài trong đó thì nhọc nhằn khổ sở, chi bằng chúng ta ra phất một cái, không thêm tới nhà nào hết. Nếu sắp lâm chung vị nào ôm lòng sân hận oán thù thì đi vào nhà ngạ quỷ, súc sanh hoặc hơn nữa là địa ngục. Vào đó lâu ngày hết nghiệp sân hận được trở ra, ra rồi đi tới nhà khác, nhà nào thích thì tới. Như vậy đi ra đi vào không biết bao nhiêu kiếp luân hồi.

Phật thương chúng sanh tại sao không thức tỉnh, có Phật sẵn mà cứ ôm Phật đi trong luân hồi, tội nghiệp Phật quá. Ông Phật bị mình cột mấy sợi dây nghiệp lôi đi theo, đi cho đã rồi khổ. Nhưng ông Phật theo mình có khổ không? Không khổ. Sao vậy? Bởi vì Phật đâu có bị nghiệp, mình bị nghiệp chứ Phật không bị nghiệp. Ví dụ như khi chúng ta bị ai chửi, mình nghe tức trong bụng, đó là mình tức giận, chứ tánh nghe đâu có giận. Tuy nhiên từ nghe mình sanh ra tức giận, đó là nghiệp, từ nghiệp sanh khổ phiền đủ thứ, song tánh nghe không có khổ phiền. Cho nên tuy chúng sanh vào địa ngục mà Phật không bị khổ, nhớ như vậy mới hiểu câu “mình ở đâu thì Phật ở đó, mình khổ con Phật không khổ”.

Nếu chúng ta biết trở về Phật của mình thì còn khổ không? Sống được với Phật làm sao khổ. Ngược lại sống với tâm phàm tục, bị nó lôi kéo mới khổ. Từ các nhà lửa, nhà người, nhà trời, nhà Thanh văn, nhà Duyên giác, nhà Bồ-tát, nhà Phật cũng đều do tâm lấy bỏ mà có, thành ra sai khác,

chứ tánh bản nguyên đâu có sai khác. Sai khác là hình thức, công phu tu hành, còn tánh giác sẵn không bao giờ sai khác.

Chánh văn:

Hỏi: Chư Phật thế nào hành đại từ bi vì chúng sanh thuyết pháp?

Đáp: Phật từ bi là vô duyên nên gọi là đại từ bi. Từ là không thấy có Phật để thành. Bi là không thấy có chúng sanh để độ. Phật thuyết pháp là không nói không dạy. Người nghe pháp là không nghe không được, ví như huyễn sĩ vì người huyễn nói pháp. Pháp ấy nếu vì nói, ta từ thiện tri thức ngay một câu liền nhận được, hội được, ngộ được, cái ấy là từ bi. Nếu ông khởi tâm động niệm học được hiểu biết của người, không phải là tự ngộ bản tâm, rốt ráo vô ích.

Giảng:

Người ta bảo đại từ đại bi là thấy chúng sanh khổ khóc theo chúng sanh, thấy chúng sanh vui cười theo chúng sanh. Còn đại từ đại bi ở đây là vô duyên, lạ chưa! Chữ *vô duyên* này dễ bị hiểu lầm. Thường thường chúng ta nghe ai nói những câu không có ý nghĩa thì bảo nói vô duyên quá. Nhưng vô duyên của nhà Phật là không có tâm phân biệt. Chúng ta là phàm phu nên khởi lòng từ phải có nhân duyên, còn Phật lòng từ tràn ngập không đợi nhân duyên nên gọi là vô duyên.

Thế nào là lòng từ có nhân duyên? Như một người đang khổ cay đắng nhưng trước mặt chúng ta họ không thổ lộ, không trình bày, vì vậy tuy đối diện với họ mà ta không khóc. Trong khi đó mấy cô đào khéo nói, khéo gợi trúng tình cảm

của mình, nên họ khóc mình khóc theo, dù biết họ khóc giả mà mình vẫn khóc suốt suốt. Lòng thương là từ bi nghe người ta khổ, thấy người ta khóc mình thương nhưng cái thương đó là do gọi trúng chỗ mới thương, còn không gọi thì không thương. Đó gọi là lòng từ có nhân duyên.

Phật thấy tất cả chúng sanh khổ đều thương, không đợi nhân duyên. Trong một tiền kiếp, đức Phật hành hạnh Bồ-tát, thấy con cạp rớt xuống hố bị đói, ngài tội quá thả mình xuống cho nó ăn. Người sau bảo ngài hành động như vậy là từ bi mà không có trí tuệ. Con cạp nếu sống nó sẽ hại người khác, tại sao ngài không để nó chết mà thả mình xuống cứu nó, một ngày sống của nó là một ngày giết hại chúng sanh. Thử hỏi việc làm đó có từ bi không? Người đời từ bi mà còn suy gẫm, xét lý, đó là lòng từ hữu duyên. Còn đức Phật vì dùng lòng từ vô duyên nên thấy chúng sanh khổ là giúp, không nghĩ tới một lý do nào hết. Khi lòng từ đạt tới vô duyên từ roi thì thấy chúng sanh khổ là sẵn sàng giúp, không nghĩ giúp như thế sẽ được lợi ích hay có tai hại gì. Cho nên ở đây nói *Phật từ bi là vô duyên nên gọi là đại từ*, lòng từ ấy mới tràn ngập khắp tất cả.

Từ là không thấy có Phật để thành, nghĩa là tu sống trở về tánh giác của mình, không phải từ Phật nào khác thành. *Bi là không thấy có chúng sanh để độ*, chúng sanh đã sẵn tánh giác, mình nhắc họ để họ trở về, chứ không phải đưa họ tới đâu để họ thành Phật.

Phật thuyết pháp là không nói không dạy, người nghe pháp là không nghe không được, như vậy sao gọi là thuyết pháp, nghe pháp? Thuyết pháp là không nói không dạy, nghe pháp là không nghe không được. Nói thế để nhắc nhở cho

chúng ta biết người thuyết pháp không sở đắc, không có, không được nên thuyết mà không thuyết, người nghe pháp cũng biết rõ không có sở đắc thì còn có pháp nào để nghe, để được. Chúng ta học đạo là nhận chân được lý đạo, đó mới thật là học đạo. Nếu chúng ta nghe pháp rồi phân biệt pháp này hay pháp này dở, pháp này cao pháp này thấp, đó là nghe trong so sánh, do so sánh nên thấy có pháp, có người nói pháp. Nghe như vậy chưa phai là nghe pháp.

Ví như huyễn sĩ vì người huyễn nói pháp, huyễn sĩ là người huyễn. Phật như huyễn sĩ, chúng ta nghe là người huyễn, huyễn sĩ nói pháp người huyễn nghe pháp, không có gì thật hết. Như vậy mới là nói pháp, nghe pháp.

Pháp ấy nếu vì nói, ta từ thiện tri thức ngay một câu liền nhận được, hội được, ngộ được, cái ấy là từ bi. Nếu ông khởi tâm động niệm học được hiểu biết của người, không phải là tự ngộ bản tâm, rốt ráo vô ích. Học mà chỉ học câu nói của thầy, không nhận ra bản tâm của mình, học đạo như thế thật vô ích. Nhiều vị nghe pháp, câu nào hay hay liền ghi chép học thuộc lòng, cho rằng như thế là khéo học. Ở đây không phải vậy. Nghe pháp là nghe Phật chỉ rõ bản tâm mình, cố gắng nhận cho được bản tâm mới hữu ích, còn nghe mà lệ thuộc vào ngôn ngữ chữ nghĩa, đó là nghe bên ngoài, không có lợi ích. Người thời nay đa số nghe pháp, gom nhặt cho nhiều để ăn nói giòn giã, lưu loát thu hút người khác, chứ không thấy tốt cùng chỗ chân thật của mình.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là tinh tấn?

Đáp: Thân tâm không khởi ấy gọi là đệ nhất dũng mãnh tinh tấn. Vừa khởi tâm hướng ngoại tìm cầu, gọi là Ca-lợi vương, Di hâu yêu bọ. Tâm không chạy ra ngoài là tiên nhân nhần nhục. Thân tâm đều không, tức là Phật đạo.

Giảng:

Hỏi tu thế nào gọi là tinh tấn, ngài đáp *Thân tâm không khởi ấy gọi là đệ nhất dũng mãnh tinh tấn.*

Nơi thân, nơi tâm không khởi làm sao đi lại, chẳng lẽ nằm hoài. Nếu nói tâm không khởi thì dễ hiểu, nói thân không khởi là không động, chẳng lẽ nằm tới chết luôn. Cho nên nói *thân tâm không khởi* là nơi thân tâm này không dấy khởi niệm hay dở xấu tốt v.v... *ấy gọi là đệ nhất dũng mãnh tinh tấn.* Nhiều người cho rằng tinh tấn là một đêm lạy Phật một ngàn lạy hoặc sám hối một ngày ba thời... Nhưng ở đây ngài định nghĩa tinh tấn khác hơn. Người đối với thân tâm không dấy niệm, không khởi ý nghĩ lăng xăng là người tinh tấn dũng mãnh bậc nhất. Tinh tấn như thế có ai thấy không? Không ai thấy, nhiều khi bị chê nữa là khác. Cả ngày không nói năng chi, ai nói gì cũng không khen chê, thiên hạ bảo là lờ đờ. Đối với các pháp thế gian không bận, không dính không mắc, không khởi tâm, trong đạo khen là người đại tinh tấn.

Vừa khởi tâm hướng ngoại tìm cầu là Ca-lợi vương, Di hâu yêu bọ. Ca-lợi vương liên hệ tới một câu chuyện tiền thân của đức Phật. Vào thuở quá khứ, đức Phật là vị tiên tu hạnh nhần nhục. Bấy giờ có vua Ca-lợi ác nghiệt vô đạo, một hôm vua cùng các cung nhân đi du ngoạn, gặp vị tiên tu hạnh

nhấn nhục đang ngồi thiền dưới gốc cây. Các thị nữ tùy tùng trông thấy, liền bỏ vua Ca-lợi đến chỗ vị tiên này để nghe pháp. Ca-lợi vương thấy vậy nổi giận, bèn chặt hết tay chân của vị tiên nhân này. Vị tiên nhân này chính là tiền thân của đức Phật hành hạnh nhấn nhục.

Di hâu yêu bọ là chỉ bấy khi ở trên cây cạnh bờ sông, thấy khối bọt nước do ánh sáng mặt trời chiếu lóng lánh, bèn đua nhau nhẩy xuống vớt. Kết quả tất cả đều chết chìm. Những thứ hư ảo, giả dối mà tưởng là thật, đắm chìm trong đó nên khởi tâm hướng ngoại tìm cầu. Giống như những con khiêu yêu đắm bọt nước vậy.

Ngược lại *Tâm không chạy ra ngoài là tiên nhân nhấn nhục*. Tiên nhân nhấn nhục bị vua Ca-lợi chặt tay chặt chân mà không buồn không giận vì tâm không chạy ra ngoài.

Thân tâm đều không, tức là Phật đạo. Không chấp thân, không chấp tâm, thân tâm đều thanh tịnh, đó là Phật đạo.

Chánh văn:

Hỏi: Nếu không tâm, hành đạo này được chăng?

Đáp: Không tâm tức là hành đạo này, lại nói cái gì được cùng chẳng được? Vả lại vừa khởi một niệm bèn là cảnh, nếu không một niệm tức là cảnh mất, tâm cũng tự diệt, không cần lại tìm kiếm.

Giảng:

Hỏi *Nếu không tâm, hành đạo này được chăng?* Đáp *Không tâm tức là hành đạo này*. Lúc nào ta không dấy niệm, không khởi nghĩ là đang hành đạo. Một số tu sĩ ngày nay cho rằng suy tính tổ chức làm việc này việc nọ là hành đạo. Ở

đây ngược lại, Tổ nói không tâm là hành đạo. Đã không tâm là hành đạo, *lại nói cái gì được cùng chẳng được?* Không tâm là hành đạo rồi, lại nói được chẳng được cái gì.

Vả lại vừa khởi một niệm bèn là cảnh, vừa khởi niệm nghĩ về cái gì đều là cảnh cả. Như khi nghĩ tới người thân, thì bóng của người thân hiện trong chúng ta, nghĩ tới kẻ thù thì bóng của kẻ thù hiện trong chúng ta. Nhớ cái gì, nghĩ cái gì thì hình ảnh ấy hiện ra, cho nên nói là cảnh.

Nếu không một niệm tức là cảnh mất, không khởi nghĩ gì hết thì không có cảnh nào. *Tâm cũng tự diệt*, không cảnh thì đâu có tâm duyên theo, nên nói tâm tự diệt. *Không cần lại tìm kiếm*, đó là tu rồi, tìm kiếm cái gì nữa. Như vậy không nghĩ thì không cảnh, không cảnh thì tâm duyên cảnh lặng, tức tâm vọng tưởng không có. Đó là chân thật khởi đi tìm kiếm gì cả. Ngài chỉ cho chúng ta cách tu rất rõ ràng.

Chánh văn:

Hỏi: Thế nào là xuất tam giới?

Đáp: Thiện ác đều chớ suy nghĩ, ngay chỗ ấy liền xuất tam giới. Như Lai ra đời vì phá ba cõi, nếu không tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Như một hạt bụi đập làm trăm phần, chín mươi chín phần là không, một phần là có, thì pháp Đại thừa không thể xuất hiện, trăm phần đều không thì pháp Đại thừa mới hay xuất hiện.

Giảng:

Xuất tam giới là ra khỏi ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. *Thiện ác đều chớ suy nghĩ, ngay chỗ ấy liền xuất*

tam giới. Câu này gọn quá mà cũng dễ quá, phải không? Ngài Hoàng Bá nói giống như Lục Tổ, thiện ác đều chớ suy nghĩ, ngay đó liền xuất tam giới, ngay đó là bản lai diện mục. Bản lai diện mục là chỉ cho cái chân thật của chính mình, cái chân thật đó không bị luân hồi trong tam giới lục đạo, cho nên nói xuất tam giới.

Chúng ta ngồi thiền một giờ nửa giờ không nghĩ thiện, không nghĩ ác v.v... ngay đó liền xuất tam giới. Xuất tam giới là gì? Là giải thoát sanh tử. Người tu nào không mơ ước được giải thoát sanh tử. Một giờ ngồi thiền không có niệm thiện niệm ác là một giờ giải thoát sanh tử. Niệm thiện thì sanh đường lành, niệm ác thì đọa đường dữ, nếu không có niệm thiện niệm ác thì sanh ở đâu? Thì ra khỏi tam giới. Chỉ một câu hết sức đơn giản, mà dạy chúng ta tu rất tuyệt vời, để được giải thoát sanh tử.

Như Lai ra đời vì phá ba cõi, nếu không tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Đức Phật ra đời là vì chỉ cho chúng sanh tu giải thoát sanh tử. Giải thoát sanh tử là không còn lăn lộn trong tam giới nữa, cũng gọi là phá ba cõi. Người tu ra khỏi tam giới tức là giải thoát sanh tử, đó là phá tam giới. Phật dạy chúng ta phá ba cõi tức là tu để ra khỏi tam giới.

Nếu không tất cả tâm, tam giới cũng chẳng có. Tất cả tâm là niệm thiện, niệm ác, niệm phải, niệm quấy... lặn hết thì tam giới cũng không còn, không dính dáng gì với mình. Nhiều người nghĩ cõi này khổ quá, làm người nhọc nhằn phiền não quá, muốn được sanh cõi trời sướng hơn. Như vậy là còn muốn sanh cõi lành.

Lên cõi trời sống hoài cả muôn ngàn triệu năm, không biết như vậy vui hay buồn? Người ta cứ ngỡ sống dai là vui,

nhưng thử hỏi quý vị lớn tuổi xem họ có vui không? Nhiều khi sống lâu một mình, bà con thân thuộc đi hết trơn, buồn chết, có gì vui đâu. Sống vừa vừa với nhau, có bạn có bè, người này đi còn người khác. Nếu bạn bè đi hết, mình sống với lớp nhỏ nó không thông cảm, nói chuyện với ai đây, có buồn không? Vậy mà ai cũng đòi sống dai, sống để mà buồn sống làm chi. Hoặc lên các cõi trời không làm gì hết, muốn gì được nấy cũng sẽ buồn. Con người sống có sinh hoạt, trồng cây hái trái mới vui, còn muốn gì được nấy mới đầu thấy thích, nhưng sau đo hết thích, riết rồi không biết sống để làm gì nữa!

Nhà Phật khuyên chúng ta không nên ở trong tam giới, dù cho các cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới rất sung sướng, nhưng đức Phật thấy cũng ràng buộc thôi. Chỉ ra khỏi tam giới mới tự tại thanh thoi. Vì vậy đức Phật dạy chúng ta tu phá ba cõi. Nếu không tắt cả niệm khởi, không tắt cả suy nghĩ thì tam giới cũng vô nghĩa, không có đối với chúng ta. Như vậy ra khỏi tam giới cần gì thần thông? Dù có thần thông mà nghĩ lung tung cũng không ra khỏi tam giới nổi. Bây giờ không cần thần thông, chỉ không tắt cả niệm liền ra khỏi tam giới. Vì niệm khởi là tạo nghiệp lành dữ, nếu không niệm khởi còn gì tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì cái gì dẫn đi trong tam giới? Cho nên chỉ cần không tắt cả niệm là ra khỏi tam giới, giải thoát sanh tử.

Chúng ta có đủ thẩm quyền quyết định, đi trong tam giới hoặc đường xấu hoặc đường tốt, hoặc ra khỏi tam giới. Quyền của mình hết. Nếu gặp cảnh khổ mình kêu than với ai? Quyền của mình chọn mà than cái gì? Nếu sanh cõi lành cũng là quyền của mình, ra khỏi tam giới cũng là quyền của

mình. Đức Phật bảo chúng ta có cái quyền tuyệt đối ấy, chẳng những quyền ở trong thế gian, mà còn quyền ra khỏi thế gian nữa. Đã trọn quyền, tại sao chúng ta không chịu chọn lựa đường đi, lại than khổ quá phiền não quá?

Nếu nhớ lại đôi khi chúng ta cũng cảm thấy hổ thẹn, Phật dạy không tất cả niệm thì ra khỏi tam giới, mà mỗi đêm chúng ta thắp hương cầu Phật độ con giải thoát sanh tử. Ra khỏi sanh tử là quyền của mình, chúng ta quyết định can đảm để dẹp bỏ những vọng tưởng lăng xăng, những cái đó hết thì nghiệp cũng hết là ra khỏi sanh tử, đừng cầu cứu ai hết. Chúng ta có quyền thì ráng mạnh mẽ buông hết tất cả vọng tưởng để ra khỏi sanh tử, chứ Phật không làm thế chúng ta được. Hiểu rồi mới thấy người tu Phật là người can đảm, tự quyết định lấy thân phận của mình trong hiện tại và mai sau, chứ không trông cậy vào ai.

Như một hạt bụi đập làm trăm phần, chín mươi chín phần là không, một phần là có, thì pháp Đại thừa không thể xuất hiện, trăm phần đều không thì pháp Đại thừa mới hay xuất hiện. Ví dụ như một hạt bụi đập thành trăm phần, chín mươi chín phần nói không, chỉ còn phần tí ti nói có thì pháp Đại thừa cũng không có mặt trên thế gian. Chừng nào một trăm phần trăm các hạt đó đều không hết thì pháp Đại thừa mới có mặt ở thế gian này. Nghĩa là sao? Tất cả pháp thế gian từ lớn như núi sông rừng núi v.v... nhỏ như hạt bụi tí ti chúng ta đều thấy là duyên hợp, hư huyền không có tự tánh, cái lớn không, cái bé cũng không, thấy tốt cùng như vậy thì pháp Đại thừa xuất hiện. Nếu thấy cái lớn duyên hợp, còn những hạt nguyên tử nhỏ tí ti không phải duyên hợp, pháp Đại thừa cũng chưa xuất hiện.

Khoa học ngày nay có kính hiển vi phân tích những nguyên tử thì thấy còn chia chẻ được nữa. Nếu kính tinh vi hơn nữa thì sẽ chia chẻ hoài, chia chẻ hoài. Còn có một chút hình tướng là còn chia chẻ, như vậy khoa học ngày nay đã chứng minh được điều này. Tinh thần Phật học nhất là tinh thần Đại thừa thấy các pháp duyên hợp như huyễn, những gì duyên hợp mắt thấy được đều không có thực thể. Có hình tướng là không có thực thể, do duyên hợp hư giả, tánh nó là không. Thấy tất cả các pháp từ lớn tới bé đều duyên hợp tánh không, đó là tinh thần Đại thừa.

Nếu tất cả pháp đều duyên hợp tánh không thì tâm chúng ta dính mắc cái gì? Thấy người biết duyên hợp tánh không. Thấy nhà biết duyên hợp tánh không, thấy tất cả sự vật đều biết duyên hợp tánh không thì có gì đâu để dính mắc. Không dính mắc là xuất tam giới. Tất cả pháp thế gian phá sạch rồi thì cái xuất thế hiện tiền, muốn như thế phải dùng kiếm Bát-nhã mới được.

Kinh Kim Cang phá sạch để đưa chúng ta tới chỗ cuối cùng ấy. Ngày xưa tôi lấy làm lạ tại sao chư Tổ đã nói giáo ngoại biệt truyền mà Lục Tổ lại giảng kinh Kim Cang? Sau này càng tu tôi càng thấm, mới thấy rõ kinh Kim Cang chỉ dạy chúng ta phá hết những dính kẹt, chỉ thẳng tâm chân thật như Lục Tổ vậy. Nếu không phá chấp thì không bao giờ chúng ta thấy được chỗ chân thật. Như vậy pháp Đại thừa xuất hiện khi nào ta thấy tất cả pháp không thật, còn có một pháp là chưa phải thật, chưa phải Đại thừa.

Chánh văn:

Sư thượng đường nói:

Tức tâm là Phật, trên đến chư Phật dưới đến các loài bò bay máy cựa đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Sở dĩ tổ sư Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ truyền một tâm pháp, chỉ thẳng tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, chẳng nhờ tu hành. Chỉ như hiện nay biết nhận tâm mình, thấy bản tánh mình, chớ cầu cái gì khác. Thế nào biết tâm mình? Chính hiện nay nói năng đó tức là tâm ông. Nếu không nói năng cũng không có tác dụng của tâm thể thì giống hệt như hư không, không có tướng mạo, cũng không chỗ nơi, cũng không một bề là không hay có, cũng không thể thấy. Tổ sư nói: “Chân tánh tâm địa tàng, không đầu cũng không đuôi, ứng duyên mà hóa vật, phương tiện gọi là trí. Nếu khi chẳng ứng duyên, không thể nói là có là không, chính khi ứng duyên cũng không dấu vết.” Đã biết như thế, hiện nay chỉ nhằm không trong chỗ nương tựa, tức là đi con đường chư Phật. Kinh nói: “Nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia.”

Giảng:

Tức tâm là Phật, trên đến chư Phật dưới đến các loài bò bay máy cựa đều có Phật tánh, đồng một tâm thể. Ai có tâm là người đó có Phật. Tâm là cái biết, nên ai có cái biết người đó có Phật, lo gì không thành Phật. Chỉ sợ người nhiều tâm quá không thành Phật thôi.

Xưa nay là Phật, chẳng nhờ tu hành. Xưa nay là Phật có thể hiểu được, vì sao lại chẳng nhờ tu hành? Vì tu mà được, mà thành thì Phật đó sanh diệt. Tu là hành động sanh diệt, đem nhân sanh diệt để cầu quả không sanh diệt thì không

được. Cho nên chúng ta tu không phải để thành Phật, mà tu để sạch vọng tưởng. Như kiếng bị bụi đóng dơ, người ta thường nói lau kiếng cho sạch. Nhưng sự thực kiếng không dơ, tại bụi đóng mới thấy dơ. Bây giờ lau là lau bụi, chứ không phải lau kiếng. Lau hết bụi, kiếng sáng lên thì nói kiếng sáng, nhưng thật ra không phải lau bụi kiếng mới sáng, mà nó sáng sẵn, khi bị bụi bám thấy mờ, đến lúc bụi sạch nó hiện lại cái sáng vốn có của nó. Cho nên nói lau kiếng là không đúng, phải nói lau hết bụi, kiếng hiện ra ánh sáng.

Việc tu cũng vậy. Tu là dẹp phiền não, dẹp vọng tưởng, không phải tu để thành Phật, vì Phật đã sẵn rồi. Khi nào dẹp hết phiền não vọng tưởng thì ông Phật hiện ra, không phải do tu mới có Phật. Như người đúc tượng, đắp từng miếng rồi ráp lại thành Phật, đó là làm thành. Đằng này tu là dẹp phiền não, dẹp vọng tưởng rồi ánh sáng sẵn của mình hiện ra, không phải làm thành ông Phật mới. Cho nên nói *chẳng nhờ tu hành*. Phật do tu hành được là Phật sanh diệt, cũng như bụi dính mình chùi, có bụi không bụi, chứ đâu phải kiếng sáng và tối. Tối là tại bụi che, sáng là tại bụi hết, không phải kiếng hồi chưa lau tối, bây giờ lau rồi sáng.

Tánh giác sẵn có của chúng ta cũng vậy. Nó có sẵn nhưng vì vọng tình che phủ, không một phút giây lắng lặng, nên bây giờ chúng ta ráng ra công dẹp bỏ nó, nó lóng lặng lại thì tánh giác hiện ra. Sự tu hành thấy như hết sức khó, nhưng ngẫm lại thì hết sức dễ. Sao dễ, sao khó? Bởi vì chúng ta quen thói nghĩ suy rồi, hết chuyện này tới chuyện kia. Ngồi lại thì thôi là đủ thứ chuyện trên đời, không rảnh phút giây nào nên không nhận ra cái thật của mình. Bây giờ từ chối không tiếp duyên nữa, chuyện từ chối dễ ợt có gì đâu. Không tiếp riết họ

không tới nữa, tự nhiên mình thanh thoi. Ông chủ nhà thanh thoi được hiện tiền dễ hay khó? Phải chi cắt tay chặt chân thì khó, chỉ từ chối không tiếp khách thôi, vậy mà không chịu từ chối, lại còn thương khách nữa, khách chưa tới đã rủ tới rồi. Vì vậy chúng ta khổ.

Tu là gì? Là từ chối không tiếp khách, vừa dấy niệm lên liền tự nhắc “vọng, không theo” tức là không tiếp. Cứ bao nhiêu đó làm hoài, chuyện nhẹ nhàng thanh thoi quá, tại sao làm không được. Phải chi bắt quý vị lạy một đêm mấy ngàn lạy hoặc tụng mấy quyển kinh thì nói nhọc, đằng này chỉ từ chối vọng tưởng thôi. Ai tới không chơi, không tiếp là xong. Không tiếp hoài tức nhiên mình không có khách. Tại vì người ta tới mình tiếp nên có khách. Cả ngày bao nhiêu vọng tưởng phiền não tới, mình không theo thì khỏe khoắn vô cùng. Ngược lại chạy đuổi theo vọng tưởng thì khổ. Như đang ngồi nhớ hôm kia người đó nói một câu dễ ghét quá, ôn lại rồi suy nghĩ phải gặp người ấy đáp câu nào cho xứng đáng hơn, mạnh hơn, đáng tức hơn, cho họ khổ bằng mười lần mình mới được. Suy nghĩ vậy hết bao nhiêu giờ? Tâm trạng buồn bực hay vui tươi? Bao nhiêu đó đủ thấy không tu thì khổ. Tu thật ra rất dễ, nhưng người thấy khó là vì khách thân quá không nỡ từ chối, vì vậy cứ bị khách dẫn đi hoài.

Chỉ như hiện nay biết nhận tâm mình, thấy bản tánh mình, chớ cầu cái gì khác. Thế nào biết tâm mình? Chính hiện nay nói năng đó tức là tâm ông. Câu này đúng là chỗ Mã Tổ đáp ngài Huệ Hải. Hỏi: Thế nào là kho báu nhà mình? Đáp: Cái ông biết hỏi ta đó. Cái biết nói biết hỏi là gì? Nếu không có tánh biết làm sao biết nói, biết nghe. Biết nói, biết

nghe không phải lỗi mà lỗi tại khi nói khi nghe mình suy gẫm, luận bàn, khen chê phải quay, tốt xấu... đó mới là lỗi.

Nếu không nói năng cũng không có tác dụng của tâm thể thì giống hệt như hư không, không có tướng mạo, cũng không chỗ nơi, cũng không một bề là không hay có, cũng không thể thấy. Tuy chúng ta có cái biết nói biết nghe nhưng khi không có chuyện để nói để nghe thì cái biết ấy trở về thể tánh không tướng mạo, không hình dáng của nó, vì vậy nói đồng với hư không, trong đó không có cái có hay cái không.

Chư tổ nói cái *chân tánh tâm địa* không đầu không đuôi. Chữ *tàng* này là cái kho. Tâm địa tàng là kho tâm địa. *Chân tánh tâm địa tàng, không đầu cũng không đuôi, ứng duyên mà hóa vật, phương tiện gọi là trí.* Ví dụ tâm chúng ta là thanh tịnh, là thường hằng. Bây giờ có các cảnh hoặc sang hoặc hèn, nó đến mình biết tất cả cảnh đều tánh không, duyên hợp giả có, ứng duyên hóa vật phương tiện gọi là trí. Tuy thấy sang thấy hèn nhưng đều biết tánh không duyên hợp huyền hóa, đó là trí. Trí tùy duyên mà dấy động, dấy động trong trí tuệ chứ không phải trong mê lầm.

Nếu khi chẳng ứng duyên, không thể nói là có là không, chính khi ứng duyên cũng không dấu vết. Khi không ứng duyên thì tánh giác tri của chúng ta không tướng mạo. Không tướng thì không thể nói có, không gì không biết nên không thể nói không. Không thể có, không thể không vì không hình tướng mà hằng tri hằng giác cho nên không thể không được. *Chính khi ứng duyên cũng không dấu vết, khi tùy duyên ứng hiện cũng không thấy dấu vết.* Tại sao? Vì biết tất cả pháp đều là duyên hợp hư ảo, có gì thật mà dính mắc.

Đã biết như thế, hiện nay chỉ nhằm không trong chỗ nương tựa tức không chỗ nào thật để mình nương tựa, tức là đi con đường chư Phật. Không có một cái thật để dính mắc là đi đường của chư Phật. Kinh Kim Cang nói “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” tức là nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia, không dính mắc sáu trần mà sanh tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Chánh văn:

Tất cả chúng sanh luân hồi sanh tử do ý duyên tâm chạy rong ra ngoài, nơi sáu đạo không dừng, đến phải chịu các thứ khổ. Kinh Tịnh Danh nói: “Người khó giáo hóa tâm như khỉ vượn, cho nên dùng bao nhiêu thứ pháp chế ngự tam kìa, nhiên hậu mới điều phục”. Nên nói: “Tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt.” Cho nên biết, tất cả pháp đều do tâm tạo, cho đến trời, người, a-tu-la, địa ngục... sáu đạo, trọn do tâm tạo.

Giảng:

Chúng sanh luân hồi trong sanh tử là do ý duyên tâm chạy rong nơi sáu đạo không dừng đến phải chịu các thứ khổ. Sở dĩ chúng ta chịu khổ là do ý duyên tâm chạy theo cảnh, không dừng luân hồi trong lục đạo. Ở đây dẫn kinh Tịnh Danh là kinh Duy-ma-cật nói Người khó giáo hóa tâm như khỉ vượn, sở dĩ người ta khó bảo, khó dạy vì tâm chạy nhảy như khỉ như vượn. Cho nên dùng bao nhiêu thứ pháp chế ngự tâm kìa, nhiên hậu mới điều phục, bởi tâm chạy như khỉ vượn nên Phật tổ mới dùng các thứ phương tiện chế ngự nó. Nếu tâm ấy dừng thì tất cả pháp cũng theo đó mà lặng.

Nên nói: “Tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt.” Bởi vì tâm sanh nên dùng các pháp điều trị nó, tâm diệt rồi thì các pháp cũng phải bỏ luôn.

Cho nên biết, tất cả pháp đều do tâm tạo, cho đến trời, người, a-tu-la, địa ngục... sáu đạo, trọn do tâm tạo. Tất cả pháp thế gian, lục đạo luân hồi đều do tâm mà ra. Tâm nghĩ đường nào liền đi đường đó, tâm tạo lập ra mọi thứ.

Chánh văn:

Hiện nay chỉ học không tâm, chóng dứt các duyên, chớ sanh vọng tưởng phân biệt, không người không ta, không tham không sân, không yêu không ghét, không hơn không thua. Trừ hết những thứ vọng tưởng này tánh tự xưa nay thanh tịnh, tức là tu hành pháp Bồ-đề, Phật... Nếu không hội ý này, dù ông học rộng, siêng năng khổ hạnh tu hành, ăn cây mặc cỏ mà không biết tâm đều gọi là hạnh tà, sau này sẽ thành thiên ma ngoại đạo và các vị thần trong nước, trên đất, tu hành như thế sẽ có lợi ích gì? Ngài Chí Công nói: “Bản thể là tâm mình nhận, đâu thể trong văn tự tìm.”

Giảng:

Bây giờ chúng ta khéo tu là phải *dứt các duyên, đừng sanh vọng tưởng phân biệt*. Không phân biệt thì không thấy có người thật, có ta thật, không thấy tham sân, *không yêu không ghét, không hơn không thua...* Biết tất cả những thứ ấy như huyễn không thật thì tâm sẽ dừng, không còn chạy theo nó nữa.

Trừ hết những thứ vọng tưởng này tánh tự xưa nay thanh tịnh, tức là tu hành pháp Bồ-đề, Phật... Nếu người trừ hết vọng tưởng hơn thua, phải quấy, hư thực v.v... thì tánh thanh tịnh xưa nay hiện tiền. Tánh hiện tiền là tu hành pháp Bồ-đề, tu hành pháp Phật.

Nếu không hội ý này, dù ông học rộng, siêng năng khổ hạnh tu hành, ăn cây mặc cỏ mà không biết tâm đều gọi là hạnh tà, sau này sẽ thành thiên ma ngoại đạo và các vị thần trong nước, trên đất, tu hành như thế sẽ có lợi ích gì? Ngài chỉ thẳng nếu chúng ta không nhận được ý chỉ tu hành ngay nơi tâm mình thì dù học nhiều, siêng năng tu khổ hạnh như ăn lá cây, kết cỏ làm y phục... đều là hạnh tà. Những người này sau khi chết sẽ thành thiên ma, ngoại đạo và các vị thần trong nước, trên đất... Tu để rồi thành thiên ma, ngoại đạo, thần núi, thần sông v.v... thì tu để làm gì?

Ngài Chí Công nói: “Bản thể là tâm mình nhận, đâu thể trong văn tự tìm.” Bản thể chân thật ngay nơi tâm khéo nhận, nó đâu có trong văn tự chữ nghĩa.

Chánh văn:

Nay chỉ nhận tâm mình, đừng bắt nghĩ tính, vọng tưởng trần lao tự nhiên không sanh. Kinh Tịnh Danh nói: “Chỉ để một giường bệnh mà nằm” tức là tâm không khởi vậy. Nay nằm bệnh, các phan duyên đều dứt, vọng tưởng diệt sạch tức là Bồ-đề.

Giảng:

Chỉ nhận được tâm mình, đừng bắt những suy nghĩ tính toán, vọng tưởng trần lao tự nhiên không sanh. Như trong kinh Tịnh Danh nói “chỉ để một giường bệnh mà nằm”. Cư sĩ

Duy-ma-cật khi bệnh, trong nhà ông chỉ để một giường bệnh chính giữa mà thôi. Khi các vị Bồ-tát, La-hán đến thăm thấy ông nằm một mình trên giường bệnh, để biểu trưng tất cả đều dứt hết, chỉ còn tâm chân thật thôi. Nằm một mình là chỉ tâm không dấy động.

Nay nằm bệnh, các phan duyên đều dứt, vọng tưởng diệt sạch tức là Bồ-đề. Bây giờ chỉ còn một tâm yên lặng, mọi phan duyên dứt, vọng tưởng sạch, gọi là Bồ-đề.

Chánh văn:

Nếu trong tâm lắng xảng chẳng định, dù ông học đến các vị tam thừa, Tứ quả, Thập địa, chỉ là đến trong chỗ phạm thánh mà ngồi, các hạnh hết trở lại vô thường, thế lực đều có khi hết. Ví như bắn tên trong không, sức đẩy hết lại rơi xuống đất, trở lại vào trong sanh tử luân hồi. Người tu hành như thế không hiểu ý Phật luống chịu khổ nhọc, đâu không phải lắm to! Ngài Chí Công nói: “chưa gặp thầy sáng ra đời, uống uống thuốc pháp Đại thừa.” Hiện nay chỉ trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chuyên học không tâm, không phân biệt, không nương tựa, không trụ trước, trọn ngày mặc tình lặng lẽ, giống hệt người ngu. Người đời hoàn toàn không biết ông, ông cũng chẳng cần dạy cho người biết hay chẳng biết, tâm như hòn đá nhẵn không tỳ vết, tất cả pháp vượt qua tâm ông không thủng, cao vót không dính mắc, như thế mới có ít phần tương ứng.

Giảng:

Nếu chúng ta không dứt hết vọng tưởng, không nhận được Bồ-đề, trong tâm lăng xăng không định, dù cho học tới tam thừa, tứ quả, thập địa... *chỉ ở trong chỗ phạm thánh mà ngồi*, tức là ngồi trong chỗ sanh diệt đối đãi, vô thường. Cho nên tu mà có quả vị là còn ở trong vô thường. Quả được rồi phải bỏ, như vậy đi mãi cho tới cứu cánh là chỗ chân thật bất sanh bất diệt. Bây giờ ngay cái bất sanh bất diệt chúng ta nhận lấy, sống với nó thì khỏi qua tất cả cấp bậc. Như vậy đường nào gần hơn? Đi từng cấp bậc thì quanh co, đi thẳng thì dễ đến thẳng. Bao giờ đường thẳng cũng gần hơn. Cho nên ở đây gọi là đốn ngộ, đi thẳng chứ không theo cấp bậc.

Ngài Chí Công nói: “*chưa gặp thầy sáng ra đời, uống uống thuốc pháp Đại thừa.*” Nếu chúng ta tu mà không gặp những bậc thầy sáng chỉ thẳng thì uống uống thuốc pháp Đại thừa. Dù tu pháp Đại thừa cũng không được tâm Đại thừa.

Hiện nay chỉ trong tất cả thời đi đứng ngồi nằm chuyên học không tâm. Không tâm học làm sao? Không tâm mà phải học, học đây là tập buông cho tới không tâm. Buông bỏ là học không tâm. *Không phân biệt, không nương tựa, không trụ trước*, tức không dính mắc gì hết. *Trọn ngày mặc tình lạng lẽ*, nếu suốt ngày không dính không kẹt, không suy nghĩ không tính toán thì ngày đó mình khổ hay vui? Thanh thoi tuyệt vời.

Có người nào không muốn thanh thoi không? Ai cũng muốn thanh thoi tại sao lại không làm việc đó. Cứ ngồi lại nói chuyện bên này bên kia, anh này phải, chị kia quấy lung tung. Nhớ lung tung thì cái đầu không thể thanh thoi được. Muốn thanh thoi thì phải để cho tâm thanh thoi. Ai thích

phiền lụy thì làm việc phiền lụy, còn muốn thanh thoi mà đeo đuổi việc phiền lụy là sai lầm.

Mặc tình lạng lẽ, giống hệt người ngu. Người đời hoàn toàn không biết ông, ông cũng không cần dạy cho người biết hay không biết, khi tâm rỗng lặng, không dính kẹt gì hết, người ta thấy mình như khờ như ngu. Họ nói mình khờ ngu cũng không cần cải chánh. Nếu ta không khờ ngu thì cứ bình thản, lúc đó tâm như hòn đá cuội lảng lờ, không có gì dính được.

Tất cả pháp vượt qua tâm ông không thủng, không có gì soi thủng được tâm ông. Cao vót không dính mắc, như thế mới có ít phần tương ứng, tu như vậy mới thích hợp với pháp thân, bản tánh của mình. Còn tu mà lằng xằng lộn xộn, không hợp chút nào hết. Chúng ta ngồi tu, có ai đi ngang nói ông đó ngu si không biết gì, mà trong tâm không cục cựa nhúc nhích là khá rồi đó. Ngồi mà nghe khen trong bụng thấy thích thích, nghe chê thấy đau đau một chút, đó là bị tỳ vết rồi, bị soi thủng rồi. Làm sao khen chê tới chúng ta vẫn thản nhiên tự tại, đó là hòn đá mình đã nhẵn, không ai soi thủng được mới có ít phần tương ứng.

Chánh văn:

Vượt qua được cảnh tam giới gọi là Phật ra đời. Tâm tướng không chảy gọi là trí vô lậu. Không tạo nghiệp người trời, không tạo nghiệp địa ngục, không khởi tất cả tâm, các duyên hết chẳng sanh, tức thân tâm này là người tự tại. Không phải một bề không sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Kinh nói “Bồ-tát có ý sanh thân” ấy vậy. Nếu như chưa lãnh hội “không tâm”, chấp

tướng mà tạo tác đều thuộc về nghiệp quý, cho đến làm Phật sự Tịnh độ thay đều thành nghiệp, gọi là Phật chương. Vì chương tâm ông nên bị nhân quả quản thúc, đứng đi đều không có phần tự do...

Giảng:

Hỏi thế nào là Phật ra đời? Là khi tâm không còn khởi niệm đi trong tam giới. Hỏi tu thế nào được trí vô lậu? Là tâm tướng không chảy. Không chảy là không dính mắc, gọi là trí vô lậu.

Không tạo nghiệp người trời, không tạo nghiệp địa ngục, không khởi tất cả tâm, các duyên hết chẳng sanh, tức thân tâm này là người tự tại. Tất cả nghiệp chúng ta không tạo thì được gọi là người tự tại.

Không phải một bề không sanh, chỉ là tùy ý mà sanh. Kinh nói “*Bồ-tát có ý sanh thân*” ấy vậy. Khi không còn dấy khởi niệm, đừng cho rằng không còn gì hết. Nếu nói không còn gì hết là sai lầm, lúc đó vẫn còn có ý sanh thân. Ý sanh thân là sao? Tức là chúng ta nghĩ độ chúng sanh ở cõi nào liền hiện thân đến cõi ấy để độ, cho nên nói *Bồ-tát có ý sanh thân*. Khi tâm ý thanh tịnh trọn vẹn, tùy duyên thấy chúng sanh ở nơi nào đáng độ, liền dấy niệm đến độ thì có thân ở cõi đó. Đây gọi là ý sanh thân.

Ngài Hoàng Bá nói *nếu người chưa lãnh hội được ý “không tâm”, chấp tướng tạo tác đều thuộc về nghiệp quý. Cho đến làm Phật sự tịnh độ thấy đều thành nghiệp, gọi là Phật chương, vì Tịnh độ là tu để tịnh nghiệp của mình, sau đó sanh về cõi tịnh tu nữa, mới chúng vô sanh pháp nhẫn.* Nhiều người bảo tu Tịnh độ chết được Phật đón về Cực lạc,

còn tu Thiền chết không biết đi đâu, chắc làm ma lang thang không có chỗ nương tựa? Đó là hiểu lầm. Bởi vì Niết-bàn là vô sanh, tâm không còn dính kẹt mới giải thoát sanh tử. Bây giờ Phật tánh hiện ra gọi là Niết-bàn. Nếu còn có niệm cầu sanh nơi này nơi kia dù là sanh về Tịnh độ, cũng chưa phải cứu cánh. Còn kẹt trong cõi Phật là còn chướng ngại, nên nói Phật chướng.

Vì chướng tâm ông nên bị nhân quả quản thúc, đứng đi đều không có phần tự do... Vì trong tâm còn chướng, còn dính mắc nên bị nhân quả quản thúc, đứng đi đều không có phần tự do. Như chúng ta không bằng lòng người nào, mình đang đi mà thấy họ đứng đằng kia thì không muốn đi về hướng đó nữa. Vì trong tâm không vừa ý nên có chướng. Ngược lại nếu mình thích người nào, dù chưa muốn đi con đường đó nhưng thấy họ đứng đằng kia cũng bước tới. Như vậy cả hai đều do nhân quả quản thúc, nên ta mất tự do. Có khởi niệm thì nó dẫn mình đi đường này đường nọ, nếu không tâm thì người ta là người ta, mình là mình, cần đi thì đi, không cần thì thôi, không có gì vướng bận hết.

Chánh văn:

Vì thế pháp Bồ-đề... vốn không phải có, Như Lai nói ra đều vì giáo hóa người, ví như cầm lá vàng nói là vàng để dỗ trẻ con khóc. Cho nên thật không có pháp gọi là A-nậu-bồ-đề. Nếu đã lãnh hội được ý này, đâu cần phải ở chỗ riêng rẽ, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, lại chớ tạo nghiệp mới, trong tâm sáng rõ, nên nói “khi xưa thấy biết cần phải dẹp sạch”. Kinh Tịnh Danh nói: “Trừ bỏ những gì đã có.” Kinh Pháp Hoa nói: “Trong

mười hai nam thường dạy trừ phần.” Chỉ trừ bỏ chỗ thấy biết trong tâm, lại nói “đẹp trừ phần hý luận”. Vì thế, Như Lai tàng vốn tự không lạng trợn không dung chứa một pháp, nên kinh nói “cõi nước chư Phật cũng đều không”. Nếu noi Phật đạo tu học mà được, thấy biết như thế hoàn toàn không liên hệ. Hoặc tạo một cơ một cảnh, nhưn mây chớp mắt, chỉ vì đối người đương cơ nói để kế hội. Được chứng ngộ thiền lý, chợt gặp một người không hiểu ben nói, trợn không biết đối cơ người kia, nếu họ được đạo lý trong tâm liền hoan hỷ, nếu bị người khác chiết phục không bằng họ, trong tâm ôm ấp buồn bã. Người học thiền tâm ý như thế có gì được liên hệ. Dù ông hội được ít phần đạo lý, chỉ là được cái tâm sở pháp, thiền đạo không liên hệ. Sở dĩ tổ Đạt-ma mặt xây vô vách, đều khiến cho người không có chỗ thấy, nên nói: “quên cơ là Phật đạo, phân biệt là cảnh ma.”

Giảng:

Pháp Bồ-đề không có thực, song đức Phật vì giáo hóa chúng sanh nên ngài nói đây là pháp Bồ-đề tâm, kia là câu Bồ-đề quả. Đó là phương tiện thôi.

Ví như cầm lá vàng nói là vàng để dỗ trẻ con khóc. Trong kinh thường hay ví dụ như bà mẹ sửa soạn đi chợ, đứa nhỏ ở trong nhà thấy vậy đòi đi, không cho đi nó khóc. Bà mẹ mới lượm lá vàng ở ngoài đưa nói “mẹ cho con vàng đây”. Nghe vàng nó mừng quá hết khóc, nhưng thật ra trong tay chỉ là lá vàng chứ không có vàng. Cũng vậy, Phật nói tất cả pháp là phương tiện để độ chúng sanh, giống như ngón tay chỉ mặt

trắng. Ngón tay không phải là mặt trắng, nương ngón tay để thấy mặt trắng, bởi vì mặt trắng mới là chỗ cứu cánh, chân thật. Chúng ta thường lầm cho ngón tay là mặt trắng nên không nhận ra được chỗ chân thật.

Nói tới tu thì phải tụng kinh, ngồi thiền. Tụng kinh ngồi thiền là ngón tay, nhưng người tu cứ lấy đó làm sở trường, không biết Phật muốn chỉ cái gì. Nếu biết nương lời Phật dạy nhận ra bản tâm, thấy được Phật tánh của mình, đó mới gọi là biết dùng phương tiện để đạt được cứu cánh. Đàng này Phật nói ra chúng ta đọc lại cho Phật nghe. Thầy dạy trò học thuộc lòng, đọc lại cho thầy nghe. Cứ thế làm hoài không biết đi tới đâu?

Gốc của đạo không phải ở chỗ ngôn ngữ, kinh điển, mà từ ngôn ngữ kinh điển chúng ta nhận ra cái gốc nơi tự tâm. Tự tâm mình là tánh Bồ-đề nhưng chúng ta lại không biết, cứ chạy theo bên ngoài, đó là sai lầm. Cho nên ở đây nói *không có pháp gọi là A-nậu-bồ-đề*.

Nếu đã lãnh hội được ý này, đâu cần phải ở chỗ riêng rẽ, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, lại chớ tạo nghiệp mới, trong tâm sáng rõ, nên nói “khi xưa thấy biết cần phải dẹp sạch”. Khi lãnh hội được ý này rồi, không cần ở riêng một mình chỗ vắng, chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc y xiêm. Như vậy ở một mình trong thất cũng tốt, ra thất tùy chúng sanh tùy huynh đệ cũng tốt. Ở đâu cũng tùy duyên thôi. Nếu đòi ở trong thất mới tu, ra ngoài tu không được, hoặc có người bảo bên ngoài lăng xăng thấy khỏe, vô thất bó buộc quá không tu được. Cả hai hạng người này có tùy duyên không? Không. Thành ra chúng ta sống tùy duyên ở chỗ vắng một

mình cũng tốt, xông xáo hợp tác với huynh đệ cũng tốt. Đó là tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm.

Chúng ta cần hiểu rõ về câu *Tùy duyên tiêu nghiệp cũ*. Ví dụ lúc trước mình có làm méch lòng một huynh đệ khiến vị ấy buồn. Bây giờ mỗi khi thấy mặt mình, vị ấy không nói chuyện chỉ ngó ngang thôi, mình làm sao đây? Thấy mình vị ấy không vui, nhưng mình cứ vui chào lại, chào riết người ta cũng sẽ hết giận. Còn thấy người ta không nhìn, mình cũng ngó ngang chỗ khác thì biết chừng nào hết nghiệp cũ? Đó là tu *tùy duyên tiêu nghiệp cũ*. Đã có nghiệp cũ rồi, gặp duyên không thuận chúng ta phải khéo xử sự để nghiệp cũ mòn mất đi. Đó là hiểu rõ “tùy duyên tiêu nghiệp cũ”. Hồn nhiên mặc áo xiêm tức là mặc áo ăn cơm một cách thanh tịnh, yên lặng không dính niệm nào, nghĩ suy nào.

Nếu ai tùy duyên tiêu nghiệp cũ rồi, *lại chớ tạo nghiệp mới, trong tâm sáng rõ, nên nói “khi xưa thấy biết cần phải đẹp sạch”*. Tất cả thấy biết trước kia ngày nay phải đẹp sạch. Chớ tạo nghiệp mới, là người khôn ngoan. Nghiệp cũ tùy duyên cho tiêu, nghiệp mới đừng tạo nữa. Nếu người ta giận, mình khóa lấp lần lần bớt giận, mai một chốc nữa thì chừng nào hết nghiệp? Cho nên bớt nghiệp cũ rồi thì thôi đừng tạo thêm nữa. Như vậy trong tâm mới sáng rõ. Cho nên nói *khi xưa thấy biết cần phải đẹp sạch*, tất cả niệm buồn thương giận ghét trước đó bây giờ đẹp sạch hết.

Kinh Tịnh Danh nói: “Trừ bỏ những gì đã có.” Tức là trừ bỏ tất cả những gì đã có trước kia cho sạch hết.

Kinh Pháp Hoa nói: “Trong mười hai năm thường dạy trừ phần.” Đó là hình ảnh chàng cùng tử trở về quê, gặp cha rồi nhưng chưa dám nhìn cha. Ông cha biết nhưng không trực

tiếp gọi lại, bảo người quản gia dạy chàng cùng tử mười hai năm dẹp phân cho sạch. Ý này để chỉ tất cả nghiệp cũ đều phải bỏ sạch hết.

Chỉ trừ bỏ chỗ thấy biết trong tâm, lại nói “dẹp trừ phần hý luận”. Tất cả những trò đùa cợt phải dẹp bỏ hết.

Trong kinh dạy dẹp hết tất cả dính mắc từ xưa đến giờ. Nên nói *trong Như Lai tàng vốn tự không lặng, trọn không dung chứa một pháp, nên kinh nói “cõi nước chư Phật cũng đều không”,* tức là trong kho Như Lai rỗng không vắng lặng, không dính mắc một vật gì.

Nếu nói Phật đạo tu học mà được, thấy biết như thế hoàn toàn không liên hệ, nói tu học mà được Phật đạo thì Phật đạo sanh diệt vô thường. Hoặc tạo một cơ một cảnh, nhướn mày chớp mắt, là hét là đánh v.v... chỉ vì đối người đương cơ nói để khế hội, chứ không phải pháp cố định.

Được chứng ngộ thiên lý, chợt gặp một người không hiểu bèn nói, trọn không biết đối cơ người kia, nếu họ được đạo lý trong tâm liên hoan hỷ, nếu bị người khác chiết phục không bằng họ, trong tâm ôm ấp buồn bã. Người học thiên tâm ý như thế có gì được liên hệ. Đây là nói người đã hiểu được một chút ít thiên lý rồi, thuyết giảng lại cho người, họ hiểu được, lòng sanh vui thích cho mình đã thành công. Nếu gặp ai bề lại, lý mình không trôi thì sanh lòng buồn bực. Như vậy là chưa thâm nhập được lý thiên.

Dù ông hội được ít phần đạo lý, chỉ là được cái tâm sở pháp, thiên đạo không liên hệ. Sở dĩ tổ Đạt-ma mặt xây vô vách, đều khiến cho người không có chỗ thấy, nên nói: “quên cơ là Phật đạo, phân biệt là cảnh ma”. Đây nói rõ cho dù mình

hội được một chút ít đạo lý, cũng thuộc về tâm sở pháp, chứ chưa phải thiên đạo.

Tổ Đạt-ma khi sang Trung Hoa tới chùa Thiếu Lâm, ngồi xây mặt vào vách chín năm để làm gì? Để quên cơ quên cảnh, không còn có chỗ thấy, chứ không phải ngồi tránh khách. Quên cơ là gần với Phật đạo, người nào phân biệt lanh lệ đó là cảnh ma. Người buông hết muôn duyên, cơ hội đến với mình, không dính mắc, đó là Phật đạo.

Chánh văn:

Tánh này dù khi ông mê cũng không mất, khi ngộ cũng không được, tự tánh thiên chân vốn không mê ngộ, hư không giới khắp giáp mười phương nguyên lai là một tâm thể của ta. Dù ông động dụng tạo tác đâu rồi hư không. Hư không xưa nay không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi, không mê không ngộ, thấy rõ ràng không một vật, cũng không người không Phật, nếu có lượng bằng mấy tơ, cũng không nương tựa, không ràng rịt. Một đạo trong sạch trôi chảy là tự tánh, pháp nhãn vô sanh đâu có nghĩ bàn. Chân Phật không miệng chẳng biết nói pháp, thật nghe không tai thì cái gì được nghe? Trân trọng!

Giảng:

Tánh này là tánh giác của chúng ta, nó không mê không ngộ, không được không mất. Tự tánh thiên chân là tự tánh sẵn có chân thật. Chữ thiên này không phải thiên lệch một bên, mà thiên là sẵn. Tự tánh chân thật, vốn không mê ngộ. Hư không giới khắp giáp mười phương nguyên lai là một tâm thể của ta, trùm khắp, không riêng biệt bên nào.

Dù ông động dụng tạo tác đâu rồi hư không, dụ như mọi hoạt động tạo tác của chúng ta, không có hoạt động nào rồi ngoài hư không. Cũng vậy tất cả hoạt dụng của tâm không rồi tự tánh chân thật. Tự tánh không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi. Vì vô lậu vô vi nên không có tướng sanh diệt.

Không mê không ngộ, thấy rõ ràng không một vật. Tại sao không một vật mà thấy rõ ràng? Như hiện giờ chúng ta thấy tất cả mọi vật trước mắt, là nhờ có hư không. Nếu không có khoảng trống làm sao chúng ta thấy được mọi vật chung quanh. Như vậy tất cả vật ta thấy, có cái nào ngoài hư không đâu. Cũng thế, tâm thể trùm khắp, nhưng không có tướng cũng như hư không vậy. Các tướng chúng ta thấy đều là tướng sanh diệt, còn tâm thể không sanh diệt, dụ như hư không. Nó như hư không chứ không phải hư không, vì hư không vô tri, còn tâm thể là tri giác. Tâm thể khác với hư không là thế, song vì thể của nó rỗng không, không có tướng mạo nên nó thường được dụ giống như hư không, không một vật.

Cũng không người không Phật, nếu có lượng bằng mây tơ, cũng không nương tựa, không ràng rịt. Một đạo trong sạch trôi chảy là tự tánh, pháp nhãn vô sanh đâu có nghĩ bàn. Chỗ ấy không còn một mảy may dính mắc, không thể nghĩ bàn.

Chân Phật không miệng chẳng biết nói pháp, thật nghe không tai thì cái gì được nghe? Chân Phật không biết nói pháp, còn cái thật nghe không phải ở lỗ tai, như vậy lấy cái gì để nghe? Chân Phật là tri giác bất sanh bất diệt, còn nói pháp thì có sanh diệt nên nói chân Phật không biết nói pháp. Còn tánh nghe chân thật của chúng ta không có tai. Tại sao?

Vì tánh nghe đâu có hình tướng. Lỗ tai có hình tướng, tánh nghe không hình tướng nên nói không có tai.

Chánh văn:

Một hôm, Sư thượng đường chỉ dạy đại chúng:

Về trước, nếu đập không thấu triệt, đến ba mươi tháng chạp đến rồi, bắt buộc ông bứt rứt rồi loạn. Có một bọn ngoại đạo vừa thấy người nói tập công phu bèn cười lạt, bảo: “vẫn còn cái đó”. Tôi hỏi ông, bỗng nhiên giờ mạng chung sắp đến, ông lấy cái gì để chống cự sanh tử? Ông hãy suy nghĩ xem, có đạo lý nào được gọi là Di-lặc trời sanh, Thích-ca tự nhiên ư? Có một bọn thần lười quỷ rồi vừa thấy người có chút bệnh, bèn bảo: “Ông hãy buông xuôi đi!” Đến khi bọn ấy mắc bệnh, đem chỗ lý hội áp dụng chẳng được, tay chân co rút rồi loạn, mặc sức da thịt ông đau nhức như dao cắt, làm chủ không được. Muôn việc lúc rảnh rồi cần phải giải quyết cho xong, đến khi mê loạn mới dắc dụng, phải có ít nhiều sức tỉnh giác, chờ đợi sắp khát mới đào giếng. Trói tay khóa chân lại gặp chỗ cộp sới đuổi cản làm sao chạy tránh, đường trước tối tăm? Tín thí cúng cơm trắng rau tươi, bây giờ bị dùi bị đánh.

Khổ thay! Khổ thay!

Giảng:

Đoạn này ngài dạy nếu trước đập phá không thấu triệt thì đến ba mươi tháng chạp là giờ sắp lâm chung, bắt buộc ông phải bứt rứt phải rồi loạn, thân này bị hành hạ khổ sở. Bây giờ mới nói, *có một bọn ngoại đạo vừa thấy người nói tập*

công phu bèn cười lạt, bảo: “vẫn còn cái đó”. Tôi hỏi ông, bỗng nhiên giờ mạng chung sắp đến, ông lấy cái gì để chống cự sanh tử? Ngoại đạo đây cũng là ngoại đạo trong nhà Phật, họ nói người tu can gì công phu. Nếu không công phu thì khi cái chết đến làm sao chống cự nổi?

Chính vì điểm này mà tôi bắt tăng ni phải ngồi thiền tới hai tiếng đồng hồ, đau chân gần chết mà cũng phải ráng ngồi. Bởi vì cái đau chân trong lúc ngồi thiền còn nhẹ hơn cái đau lúc sắp ra đi. Sắp ra đi không phải đau chân thôi mà đau cả thân thể. Trong kinh diễn tả như con cua bị lột vỏ vậy, da thịt chỗ nào cũng đau, lúc đó làm sao chịu nổi? Bây giờ tập đau cái chân, sau nó đau nhiều hơn một chút mình cũng chịu được. Ngày nay cứ sợ đau, chừng đó đau quá, nhào lộn, khổ sở rên rỉ, có nguy hiểm không? Như vậy tập công phu là một phương pháp để chúng ta có sức mạnh chống cự với sanh tử. Còn không chịu tập thì sanh tử đến biết làm sao?

Ngài đặt câu hỏi: *Ông hãy suy nghĩ xem, có đạo lý nào được gọi là Di-lặc trời sanh, Thích-ca tự nhiên ư? Có đức Di-lặc nào trời sanh ra hay đức Thích-ca nào tự nhiên thành Phật không? Phật Thích-ca phải khổ hạnh sáu năm, ngồi cội bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm, sau mới thành Phật, tất cả đều do công phu tu tập mà ra.*

Đức Di-lặc cũng vậy, sở dĩ ngài thành Phật trễ hơn đức Thích-ca vì đời quá khứ ngài lười hơn Phật Thích-ca một chút, cho nên tu đồng thời mà ngài thành Phật trễ hơn. Điều này cho chúng ta thấy người tu không thể không có công phu, nhưng nếu có công phu mà chấp vào công phu là họa. Phải phá hết cái chấp thật của mình, phá được các thứ chấp công phu rồi mới thành công.

Chúng ta ngồi thiền ngày đêm sáu giờ để làm gì? Để phá mê. Vì lâu nay chúng ta lầm cho vọng tưởng là tâm mình, bây giờ nó hiện lên phải phá đập. Phá đập riết mấy chú vọng tưởng sẽ lặng, có thể việc tu mới tiến, mới thành công. Nhưng muốn phá mê cũng cần có thời gian, không phải biết vọng tưởng là nó hết liền, vì vậy phải có công phu.

Do đó những người cho công phu không có ý nghĩa gì, được xem là: *Có một bọn thần lười, quý rồi, vừa thấy người có chút bệnh, bèn bảo: “Ông hãy buông xuôi đi!”*, thần lười quý rồi thấy người tu liền chê cười, cho đó là chướng ngại, bảo buông hết đi. *Đến khi bọn ấy mắc bệnh, đem chỗ lý hội áp dụng chẳng được, tay chân co rút rối loạn, mặc sức da thịt ông đau nhức như dao cắt, làm chủ không được. Muôn việc lúc rảnh rồi cần phải giải quyết cho xong, đến khi mê loạn mới đắc dụng, phải có ít nhiều sức tỉnh giác, chờ đợi sắp khát mới đào giếng. Trói tay khóa chân lại gặp chỗ cọp sói đuổi cắn làm sao chạy tránh, đường trước tối tăm? Tín thí cúng cơm trắng rau tươi, bây giờ bị dùi bị đánh. Khổ thay! Khổ thay!* Ngài nói hậu quả khổ của những người không chịu tu.

Chánh văn:

Ngày thường chỉ học Tam-muội ở ngoài miệng, nói Thiền nói Đạo, nạt Phật trách Tổ, đến chỗ này rồi hoàn toàn dùng không được. Ngày thường chỉ nhằm lừa người, đâu biết đến nay là tự dối mình. Trong địa ngục A-tỳ quyết định không thể thả ông.

Giảng:

Những kẻ cứ nói bằng miệng mà không chịu tu tới nơi, sau này mới thấy khổ.

Chánh văn:

Nay sắp chìm trong thời mạt pháp, cốt phải nhờ sức mạnh của mình. Chư huynh đệ! Cố gắng gánh vác huệ mạng Phật tiếp nối chớ để đoạn dứt. Thời nay vừa có một người, nửa người đi hành khước, cốt đi để xem non ngoạn cảnh, không biết tháng ngày đâu có chờ ta, một hơi thở ra không trở lại đã qua đời khác, chưa biết cái gì là đầu mạt. Than ôi! Khuyên các huynh đệ khi thân thể còn cường tráng phải nhận được cái chỗ thấu hiểu của mình, không bị người ta lừa là một phần việc lớn. Cái then chốt này rất là dễ dàng, tại tự ông không chịu nhận thôi.

Giảng:

Việc tự tham cứu tu hành thật ra rất dễ, tự mình không chịu nhận thôi, chứ không phải khó. Đây là lời khuyên nhắc của ngài khi mạng căn sắp kết thúc.

Chánh văn:

Người có chí liễu chết thực tập công phu, chỉ ngoại đạo khó hiểu rõ, khó đạt được. Đâu thể dạy ông biết được trên cây tự sanh bấp trâm. Ông phải tự khéo chuyển biến mới được.

Giảng:

Người đi tìm trâm, đâu có ai chỉ cây A, cây B có bấp trâm. Phải tới nơi khéo tìm, khéo nhận ra mới được.

Chánh văn:

Nếu là bậc trượng phu khán công án, như có vị tăng hỏi Triệu Châu: “Con chó có Phật tánh hay không?” Châu đáp: “Không.” Kia đi rồi, trong mười hai giờ khán một chữ “Không”. Ngày tham đêm tham, đi đứng ngồi nằm, chỗ mặc y ăn cơm, chỗ đi tiểu đi đại, tâm tâm xem nhau, chăm bảm tỉnh sáng, chỉ giữ một chữ “Không”, lâu ngày chầy tháng đập thành một khối, bỗng nhiên tâm hoa tự sanh, ngộ được máy mầu của Phật tổ, bèn không bị đầu lưỡi Lão hòa thượng trong thiên hạ lừa, hội rồi mới mở đại khẩu.

Giảng:

Người khán công án phải chăm chăm như vậy đó, khả dĩ có chút kết quả tương ứng, không bị kẹt trên ngũ cú của các bậc tông sư.

Chánh văn:

Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang không gió nổi sóng. Thế Tôn giờ cành hoa cả hội đều ngơ ngác.

Đến được chỗ ấy nói gì lão Diêm-la, đến ngàn thánh còn không bì được ông. Không tin nói, hẳn có nhóm kỳ đặc rất tốt như thế, việc chỉ sợ người có tâm.

Giảng:

Ngài nhắc lại *Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang không gió nổi sóng*. Nghĩa là thiên tông Trung Hoa bấy giờ chưa phát triển, ngài qua làm cho ngọn sóng thiên dấy khởi, nên nói dậy sóng âm âm. *Thế Tôn giờ cành hoa cả hội đều ngơ ngác. Đến được chỗ ấy nói gì lão Diêm-la, đến ngàn thánh còn không bì được ông*, đến đó rồi Diêm-la cũng không làm gì được, ngàn thánh

cũng không bì nổi. Tại sao? Như Thanh văn, Duyên giác hay Bồ-tát từ Sơ địa tới Thập địa v.v... cũng chưa sống trọn vẹn với bản tâm thanh tịnh. Nếu người nào tới được chỗ đó thì đâu còn gì ngăn ngại nữa, nên nói ngàn thánh không bì nổi.

Không tin nói, hẳn có nhóm kỳ đặc rất tốt như thế, việc chỉ sợ người có tâm, không tin có một nhóm kỳ đặc như vậy là tại vì có tâm, nếu vô tâm thì ai cũng làm được việc kỳ đặc ấy hết. Cho nên ngài làm bài tụng:

Chánh văn:

Tụng:

**Trần lao quỳnh thoát sự phi thường,
Hệ bả thằng đầu tổ nhất trường,
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt,
Tranh đắc mai hoa phốc tỷ hương.**

Dịch:

**Vượt khỏi trần lao việc chẳng thường,
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường,
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt,
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương.**

Giảng:

Không ai bỗng dưng được thành tựu cả mà phải có công phu. Công phu đó không phải để thành Phật mà để dẹp trần lao phiền não. Trần lao phiền não hết, Phật đạo tự hiện, không phải do tu mà thành Phật. Đó là lẽ thật.